

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 36

Thiên thứ 32: HUYỀN PHAN

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nhờ vào Sự hiểu rõ Lý ất phải dựa theo hình tướng để dẫn dắt chân thật, chiêm ngưỡng dung nhan bậc Thánh cung kính Thần phan để cúng dường hầu hạ. Vì vậy mà A Dục Vương xây dựng tháp thờ hình hài lưu lại, vươn thẳng nổi lên giữa hư không; Ngự Chóa dựng lên đài cao ngất Trời, nhân ái thờ cúng khắp sông Ngân. Thế là phan phướn rực rỡ phất phới tung bay lên khắp Đại thiên thế giới, đỏ tím làm nổi bậc nhau lên tỏa ra ánh sáng rạng ngời đến trăm ức quốc độ. Làn gió tuệ chuyển động làm cho nghiệp có dấu hiệu trong sáng lên cao, lúc thối vi vu xuất hiện báo ứng vô cùng vô tận của bậc Chuyển luân Thánh Vương.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Ca-diếp Cật A nan nói: “Xưa kia A Dục Vương tự mình ở trong khu rừng, xây dựng một ngàn hai trăm tòa tháp, sau đó nhà vua lâm bệnh khốn đốn, có một Sa-môn thăm viếng bệnh tình nhà vua. Nhà vua nói: Trước đây làm một ngàn hai trăm tòa tháp, đều dệt làm phan bằng sợi vàng, muốn tự tay mình treo phan rải hoa mới có thể thành tựu việc làm, nhưng mắc phải bệnh nặng, sợ rằng không thể toại nguyện! Đạo nhân nói với nhà vua rằng: Nhà vua có thể vòng tay nhất tâm! Đạo nhân liền hiện thần thông, lập tức một ngàn hai trăm tòa tháp đều ở trước mặt nhà vua. Nhà vua trông thấy rất hoan hỷ, liền sai người lấy phan vàng-hoa vàng treo lên trên trên các chùa tháp, chùa tháp thấp xuống chốc lát đều đến tay nhà vua. Nhà vua đạt được ý nguyện vốn có, thân thể lại khỏi bệnh, liền phát tâm rộng lớn kéo dài tuổi thọ thêm hai mươi lăm năm, cho nên gọi là tục mạng thần phan”.

Lại trong kinh Phổ Quảng nói: “Nếu như bốn hạng nam nữ, hoặc

vào lúc sắp mạng chung, hoặc đã mạng chung, vào ngày qua đời của họ, làm tấm phan màu vàng treo lên trên chùa tháp, khiến cho đạt được đức xa rời tám vạn khổ, được sanh đến Tịnh Độ của chư Phật mười phương. Phan cái cúng dường tùy theo tâm đã nguyện, cho đến thành tựu Bồ-đề. Phan theo gió chuyển động rách tan đã hết, cho đến trở thành bụi nhỏ lúc phan vừa chuyển động thì trở thành địa vị Chuyển-luân-vương, cho đến thổi bụi nhỏ thì trở thành địa vị Tiểu Vương, phước báo ấy thật vô lượng. Tháp đèn cúng dường chiếu rọi những nơi tối tăm mờ mịt, chúng sinh đau khổ được nhờ ánh sáng này, trông thấy lẫn nhau. Nhờ phước đức vượt lên, chúng sinh kia đều được thoát khổ”.

Thuật lại rằng: Tại sao trong kinh nói là vì người chết làm tấm phan màu vàng, treo lên trên chùa tháp? Đáp rằng: Tuy chưa thấy kiến giải của bậc Thánh mà có thể mong cầu ý nghĩa. Trong năm màu sắc lớn này thì màu vàng ở chính giữa, dùng để biểu thị cho lòng trung thành, dẫn dắt sanh thân trung ấm không hướng về biên địa mà hy vọng sanh vào trung tâm. Vả lại màu vàng ví như vàng, quý thần nơi cõi u minh lấy làm vàng để sử dụng. Lúc cúng tế cất tiền giấy trắng thì quý có được tiền bằng bạc để sử dụng, cất tiền giấy vàng thì quý có được tiền bằng vàng để dùng. Cho nên trong kinh Thí Dụ nói: “Lúc ấy có Cốc Tặc trộm lấy hết ngũ cốc của người chủ, người chủ bắt được trách rằng: vì sao ông trộm hết ngũ cốc của tôi, ông là thần nơi nào? Cốc Tặc nói: Dem tôi đến bên đường sẽ có người biết tên của tôi! Trên đường đi gặp ngựa vàng-xe cộ áo quần đều màu vàng. người mặc áo vàng hỏi rằng: Cốc Tặc, sao ông ở nơi này? Người chủ mới biết là Cốc Tặc. Người chủ lại hỏi rằng: Người cưỡi ngựa mặc áo vàng là ai? Cốc Tặc nói: Là tinh hoa của vàng ròng, vì đền trả giá trị ăn hết ngũ cốc của người chủ. Người chỉ vì vậy mà được vàng sử dụng không thể hết. Bởi vì người và quý khác nẻo cho nên cảm ứng nhìn thấy đều sai khác. Bậc Thánh chế định phan màu vàng vì người đã mất ấy, treo trên chùa tháp khiến cho tìm được vật báu để cứu giúp cho vong linh vậy.

Lại trong kinh Bách Duyên nói: “Xưa thời Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la vệ có một Trưởng giả, nhà rất giàu có, tiền của châu báu vô lượng không thể tính được, sanh ra một bé trai, đoan chánh khôi ngô tuyệt vời hơn hẳn so với mọi đứa trẻ khác. Bé trai ấy mới sanh ra, ở giữa hư không xuất hiện một tấm phan lớn che khắp phía trên thành. Cha mẹ trông thấy rồi vô cùng hoan hỷ, vì vậy đặt tên cho con là Ba đa ca, tuổi dần trưởng thành, cầu Phật xuất gia đạt được quả vị A-la-hán, đầy đủ Tam Minh-Lục thông và Bát giải thoát. Tỳ-kheo thấy rồi bèn thưa với

đức Phật rằng: Ba đa ca này xưa kia gieo trồng phước thiện gì, sanh ra đã đoan chánh hơn hẳn so với mọi đứa trẻ khác, ở giữa hư không xuất hiện tám phan lớn che khắp phía trên thành, lại được gặp Thế tôn mà xuất gia đắc đạo? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Trong chín mươi một kiếp quá khứ trước kia, sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, lúc ấy có vị vua tên gọi Bàn đầu mặt đế, thâu nhận Xá-lợi của Phật xây dựng bốn tòa tháp báu, cao một do tuần, mà thường xuyên cúng dường cung kính. Lúc ấy có một người, ở bên cạnh tháp báu thiết lập hội lớn, làm một tấm phan dài treo lên trên tháp, phát nguyện mà đi xa. Nhờ công đức này, từ lúc ấy đến nay trong chín mươi một kiếp không rơi vào đường ác, sanh trong loài người hay trên cõi Trời thường có phan lớn che rợp phía trên, thọ nhận phước thiện vui sướng cho đến ngày nay người ấy gặp được Ta đã cầu xuất gia mà đắc đạo”.

Lại trong kinh Bồ-tát Bốn Hạnh nói: “Xưa thời Phật tại thế cùng với các Tỳ-kheo và A nan, từ nước Uất ti la diên đi khắp mọi thôn xóm. Lúc ấy tiết trời rất nóng mà không có bóng mát nào, có một người chăn dê thấy đức Phật trải qua cái nóng, liền khởi tâm thanh tịnh đan cỏ làm tàn che mát, đem che phía trên đức Phật đi khắp mọi nơi theo đức Phật, cách bấy dê rất xa, bèn thả tàn che xuống đất, trở về bên cạnh bấy dê. Đức Phật thì cười mỉm với A nan rằng: Người chăn dê này đem tâm cung kính, mà lấy cỏ làm tàn che mát phía trên đức Phật. Nhờ công đức này trong 13 kiếp không rơi vào đường ác, sanh trong loài người hay trên cõi Trời thường ở gia tôn quý vui sướng vô cùng, thường có tàn che tự nhiên bằng bảy báu, mà che mát ở phía trên đầu. Cuối kiếp thứ 13 thì xuất gia tu đạo, thành vị Bích-chi-Phật tên là A nậu bà đạt”. Tụng rằng:

Chùa tháp quý báu tiếp tục cao lồ lộ, sắc màu rực rỡ nổi lên giữa hư không

*Tung bay giữa làn mây bông bành uyển chuyển,
Di chuyển che mát tựa như đóa sen hồng.
Phan sáng ngời mở ra sắc màu vàng rực,
Làn hương ngào ngạt hợp với khói than
nồng, Vờn bay theo gió không nơi nào nhất
định, Cầu mong cho dễ dàng trở về nguồn
cội.
Mặt hồ lung linh muôn hình ảnh hiện bày,
Dòng suối tuôn trào trăm hoa nở tươi sáng,
Đêm dài vốn có làn gió thổi đung đưa,
Nhân duyên Chuyển-luân-vương bao lớp trùng điệp.*

*Tiếp xúc nương nhờ không bao giờ thỏa mãn,
 Kết thành bè bạn cảm động không rời xa,
 Đâu biết được vẻ đẹp trong các màu sắc,
 Dẫn đến phước thọ kéo dài qua năm tháng.*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Thời nhà Tống có Lưu Thâm Chi, người vùng Bái Quận, đã từng ở Quảng Lăng gặp một Sa-môn, nói với Thâm Chi rằng: Anh có căn bệnh nhưng mà sẽ không chết, nên lấy một-hai trăm đồng tiền cúng dường cơm nước cho chúng Tăng, thì tránh được tai họa bức bách! Thâm Chi xưa nay không tin vào pháp nên tâm dấy lên tức giận khinh mạn. Sa-môn nói: Nên Tăng thêm niềm tin thần linh đừng lấy làm tức giận! Cách nhau hai mươi bước bỗng nhiên không thấy nữa. Thâm Chi qua bảy ngày sau thì phát bệnh, lúc ấy khí lực nguy ngập sắp chết. Đến chín ngày đang ban ngày mà như mộng chẳng phải mộng, thấy có tòa tháp thờ Phật năm tầng ở trong tâm mình, có hơn hai mươi vị Tăng, nhiều quanh tháp làm lễ vì vậy mà tỉnh giấc, liền được lợi ích to lớn, căn bệnh quả là có phần giảm đi. Sau đó đến tại kinh thành, bỗng nhiên có Sa-môn trước đây không quen biết nhau, thẳng thắn đi vào nhà nói rằng: Anh có duyên với pháp sao không tinh tiến? Thâm Chi nhân đó nói là trước kia đã gặp nhau chẳng? Đáp rằng: Đây là Tân đầu lô. Nói xong liền đi không biết đến nơi nào. Thâm Chi vào mùa hạ năm thứ mười bảy niên hiệu Nguyên Gia nhà Tống, ở Quảng Lăng từ xa trông thấy phía trước Tỉnh xá Tuệ Ưông có rất nhiều phan cái, mà không có hình tượng, bèn đi đến xem thử, đến khi tới cửa, bỗng nhiên tất cả không còn.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

Thiên thứ 33: HOA HƯƠNG

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Cung kính tìm lại dấu tích đức Phật Thích Ca giáng thân nơi thành Ca-tỳ-la vệ thác chất tại vương cung, trí thật sự sanh ra hiểu biết-đạo chỉ có giác ngộ khắp nơi, phát triển vầng sáng trí tuệ cho trăm ức chúng sinh, rưới xuống cơn mưa giáo pháp khắp Đại thiên thế giới, hình tượng ứng hoàn bị khắp mười phương quốc độ tháp đài quý báu xuất hiện khắp pháp giới hằng sa; hương kỳ lạ lan tỏa ngào ngạt, tựa như mây bông bành, mà tỏa ra sương mù, hoa quý báu chứa đầy vẻ đẹp, dường như ngó sen ngược mà nở rộ đóa sen. Thành kính cúng dường cùng hưởng về pháp hội, cúi đầu khoảnh khắc đều thấm nhuần phước lợi.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Phật thuyết Hoa Tụ Đà La Ni nói: “Đức Phật dạy: Nếu lại có người vào sau khi Như lai diệt độ, đi trên đường vắng vẻ trông thấy tháp miếu thờ phụng Như lai, có thể mang một đóa hoa-một ngọn đèn, hoặc một nắm bùn xoa trước hình tượng, lấy đó làm vật cúng dường; thậm chí có thể cầm một đồng tiền bố thí cho tượng Phật, để sửa chữa lúc hư hoại; hoặc lấy một vốc nước dùng để vẩy nơi tháp Phật trừ khử bất tịnh, dùng hương hoa cúng dường; một bước đưa chân đến nơi chùa tháp, hoặc xưng niệm một tiếng Nam Mô Phật. Muốn khiến cho người này rơi vào đường ác, thì trăm ngàn vạn kiếp rốt cuộc không có điều này xảy ra”.

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu có chúng sinh mang hương hoa trên tháp Phật thì mang chúng sinh đến cõi Trời Hương Lạc, cùng với các Thiên nữ thường vui vẻ chơi đùa bên nhau, từ cõi Trời mạng chung được thọ nhận thân người, sanh trong gia đình giàu có cao quý”.

Còn trong kinh A-xà-thế Vương nói: “Vô lượng kiếp quá khứ có đức Phật danh hiệu Nhất Thiết Độ, cùng với quyến thuộc của mình đều đi khát thực. Có ba người con của Trưởng giả áo quần nghiêm trang chơi đùa với nhau, trông thấy đức Phật và các vị Bồ-tát sáng ngời uy nghiêm vô cùng, chỉ cho nhau thấy mà nói rằng chúng ta nên cùng nhau cúng dường. Hai đứa trẻ đáp rằng: đã không có hương hoa thì nên dùng vật gì? Một đứa trẻ lớn nhất cỡi ngọc trắng trên đầu đem đặt trong tay, nhân tiện nói với hai đứa trẻ rằng: Có thể cúng dường đức Phật. Hai

đưa trẻ làm theo, cỡi ngọc trắng trên đầu cầm trong tay mình, liền đến nơi đức Phật. Đứa trẻ lớn nhất lại hỏi hai đứa trẻ: Giữ Công đức này để cầu mong điều gì? Một đứa trẻ nói: Nguyên được như vị Tỳ-kheo phía bên phải đức Phật. Một đứa trẻ con: Nguyên được như vị Tỳ-kheo thân túc phía bên trái đức Phật. Hai đứa trẻ cùng hỏi đứa trẻ lớn nhất, trả lời rằng: Anh muốn giống như đức Phật. Tám ngàn vị thiên tử đều nói: Tốt lành thay, tốt lành thay! Nếu như lời đã nói, thì trên Trời dưới đất tất cả đều được nhờ ân huệ. Lúc ấy cả ba đứa trẻ đã đến trước đức Phật, đều dùng ngọc trắng mà rải trên đức Phật. Hai đứa trẻ phát tâm Thanh văn, thì ngọc nằm trên vai đức Phật. Đứa trẻ lớn nhất phát tâm Bồ-đề, thì ngọc ở trên đỉnh đầu đức Phật, hóa làm bức rèm ngọc kết hoa sáng ngời, trong đó có đức Phật. Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Đứa trẻ lớn nhất lúc ấy chính là thân Ta bây giờ, đứa trẻ phía bên phải lúc ấy chính là Xá-lợi-phất bây giờ, đứa trẻ phía bên trái lúc ấy chính là Mục-kiền-liên bây giờ. Bởi vì các ông vốn sợ sanh tử, cho nên không phát tâm Bồ-đề, chỉ mong mau đến Niết-bàn. Quán xét đứa trẻ lớn nhất này phát tâm A nậu Bồ-đề cho nên thành Phật”.

Lại trong kinh Thái Hoa Thọ Quyết nói: “Lúc ấy có Quốc vương La Duyệt, khiến hơn mười người thường xuyên hái các loại hoa đẹp để cung cấp cho Vương gia. Quý nhân trong hậu cung một hôm ra ngoài thành hái hoa, gặp được đức Phật nên phát tâm cúi đầu làm lễ, tâm tự nghĩ rằng: Thà bỏ thân mạng lấy hoa dâng lên đức Phật và rải trên Thánh chúng, cho dù gặp phải tai họa cũng không rơi vào đau khổ. Bèn lấy hoa rải trên đức Phật và Thánh chúng, lại tự mình quy mạng nhất tâm lễ lạy thiết tha, đức Phật biết rõ tâm niệm ấy, ngài rất thương yêu mà thuyết pháp cho tất cả, những người hái hoa đều phát tâm đạo. Đức Phật liền thọ ký quyết định sau này sẽ được thành Phật, danh hiệu là Diệu Hoa. Lúc ấy người hái hoa quay về trong nhà Từ biệt với cha mẹ rằng: nay con mạng sống đã hết sẽ bị nhà vua giết hại. Cha mẹ ngạc nhiên hỏi vì tội lỗi gì, người ấy trả lời đầy đủ về nguyên nhân, vì không có hoa dâng lên nhà vua thì ắt phải gặp nguy hiểm đến tính mạng, cho nên Từ biệt mà thôi. Cha mẹ nghe xong, càng thêm lo buồn, mở giỏ nhìn xem thì thấy hoa đẹp đầy trong giỏ, mùi thơm sực nức khắp nơi, cha mẹ nói cho biết rằng: có thể dâng lên nhà vua lúc ấy nhà vua rất giận dữ vì thấy đến không đúng giờ, người mang hoa đến lại nhận tội là đáng bỏ thân nơi chợ, đi vào trong cung gặp nhà vua mà sắc mặt không thay đổi. Nhà vua cảm thấy kỳ lạ bèn hỏi: Các người tội nặng mạng sống sẽ không còn, tại sao không sợ hãi? Liền thưa với nhà vua rằng: Con người

sinh ra thì có chết đi, vạn vật thành tựu thì có hủy hoại, không đều phi pháp thì không tiếc thân mạng, sáng nay đi hái hoa được gặp đức Phật nên dùng hoa dâng cúng, vì biết làm trái lệnh vua thì tội phải chết, thà rằng vì có đức mà chết, chứ không vì vô đức mà sống trở về nhìn thấy giỏ hoa lại đầy như cũ, đều là nhờ ân đức nhân ái của đức Như lai đã che chở! Nhà vua rất ngạc nhiên, nhưng tâm không tin như vậy, cho nên đến nơi đức Phật thưa hỏi đức Phật về ý này. Đức Phật dạy: Thật sự như vậy, người này chí tâm muốn cứu độ mười phương chúng sinh mà không tiếc gì thân mạng, cho nên lấy các loại hoa để rải cúng trên đức Phật, ý không nghĩ đến phước báo vì thế được thọ ký quyết định, tương lai thành Phật danh hiệu là Diệu Hoa. Nhà vua vô cùng hoan hỷ cởi bỏ mọi vướng mắc hối hận về sai lầm của mình, tự trách ý ngu si không bằng hàng Bồ-tát, chỉ mong tha thứ cho tội lỗi ấy. Đức Phật dạy: Tốt lành thay! Người có năng lực tự sửa đổi mình thì giống như không có lỗi lầm gì”.

Lại trong kinh Bách Duyên nói: “Đức Phật an trú trong Tinh xá Kỳ-hoàn thuộc khu vườn Kỳ thọ cấp cô độc ở nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn cùng các Tỳ-kheo, khoác y ôm bát, theo thứ tự đi khất thực. Đến trong một ngõ xóm, có một người phụ nữ ôm một đứa trẻ, đang ngồi bên vệ đường. Lúc ấy đứa trẻ kia trông thấy Đức Thế tôn thì tâm tư rất hoan hỷ, lấy đóa hoa từ người mẹ, người mẹ liền mua hoa cho con. Đứa trẻ có được hoa rồi, mang đến nơi đức Phật tung hoa trên đức Phật, ở giữa hư không biến thành tán hoa theo đức Phật đi lại để che mát. Đứa trẻ trông thấy rồi, lòng vô cùng hoan hỷ, phát thệ nguyện to lớn dùng công đức thiện căn cúng dường này, khiến cho con ở đời sau được thành tựu chánh giác, hóa độ chúng sinh giống như đức Phật không khác. Bấy giờ Đức Thế tôn thấy đứa trẻ này phát nguyện như vậy rồi, đức Phật liền mỉm cười, từ khuôn mặt Ngài phát ra ánh sáng năm màu, vòng quanh đức Phật ba vòng trở lại đi vào từ trên đỉnh đầu. Lúc bấy giờ A nan tiến lên thưa với đức Phật rằng: Như lai tôn trọng không vô cớ mỉm cười, vì nhân duyên gì hôm nay Đức Thế tôn mỉm cười? Chỉ nguyện Đức Thế Tôn giải thích cho con được biết! Đức Phật bảo với A nan: Nay ông thấy đứa trẻ này dùng hoa tung lên, nguyện cầu mình ở đời vị lai không rơi vào đường ác, trong loài người hay trên cõi Trời thường thọ nhận vui sướng, trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp thành vị Bích-chi-Phật, hiệu là Hoa Thạch, hóa độ nhiều chúng sinh không thể hạn lượng, vì vậy Ta mỉm cười mà thôi. Lúc ấy các Tỳ-kheo, nghe những lời đức Phật đã dạy đều hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

Lại trong kinh Bách Duyệt nói: “Đức Phật an trú trong Tinh xá Kỳ-hoàn thuộc khu vườn Kỳ thọ Cấp cô độc ở nước Xá-vệ. Bấy giờ hào phú Trưởng giả trong thành ấy, đều cùng nhau tụ tập đến trước dòng suối, đàn ca xướng hát mà tự vui đùa tiêu khiển với nhau, tổ chức lễ hội Hoa Man cho nước Ba-la-nại. Lúc ấy trong lễ hội đó cửa ra một người, đi đến khu rừng hái hoa Ba-la-nại làm tóc đẹp mượt mà, lúc người hái hoa trở về lại nơi lễ hội, giữa đường gặp Đức Thế tôn tướng tốt sáng ngời, chiếu rọi khắp nơi giống như trăm ngàn mặt Trời, tâm tư rất hoan hỷ tiến lên lễ lạy chân Phật, lấy hoa đã hái tung lên đức Phật mà đi, trở lại trước cây để hái hoa, cành gãy rơi xuống mà chết, mạng chung sanh lên cõi Trời Đao lợi, đoan chánh xinh đẹp vô cùng, dùng hoa Ba-la-nại mà làm cung điện. Đế Thích hỏi rằng: Người ở nơi nào tu đạo phước nghiệp gì mà sanh đến này? Bèn đem nhân duyên vốn có trả lời đầy đủ với Đế Thích, lúc bấy giờ Đế Thích dùng kệ khen ngợi rằng:

*Thân hình màu sắc như vàng ròng,
Chiếu rọi sáng ngời đẹp biết bao
Dung nhan tướng mạo thật đoan chánh,
Thù thắng nhất giữa những người Trời.*

Lúc ấy Thiên tử liền nói kệ trả lời Đế Thích rằng:

*Tôi được nhờ ân đũa của Phật,
Dùng hoa Ba-la-nại cúng dường
Nhờ vào nhân duyên tốt lành này,
Hôm nay được quả báo như vậy.*

Bấy giờ Thiên tử bèn cùng với Đế Thích đi đến nơi đức Phật, đức Phật vì họ thuyết pháp làm cho tâm ý thấu hiểu thông suốt, phá trừ hai mươi ức nghiệp chướng tà kiến, đạt đến quả vị Tu-đà-hoàn, tâm tư vui mừng liền ở trước đức Phật nói kệ ca ngợi đức Phật:

*Đức Thế tôn uy nghiêm sừng sững,
Tuyệt vời nhất không có ai bằng
Cha mẹ và thầy dạy cao sâu,
Công đức không có ai sánh kịp
Cạn hết nước trong bốn biển lớn,
Vượt lên núi xương trắng cao ngất
Đóng chặt cánh cửa ba đường ác,
Luôn luôn mở thông lối vào ba thiện”.*

Lại trong kinh Tạp bảo Tạng nói: “bấy giờ Thiên nữ nói kệ rằng:

*Xưa tôi dùng hoa đẹp mượt mà,
Cúng dường tháp thờ Phật Ca-diếp*

*Hôm nay sanh ở trên cõi Trời,
Đạt được công đức thù thắng này
Sanh ra ở trong các cõi Trời,
Phước báo được thân sắc vàng ròng”.*

Lại trong Tát-bà-đa Luận nói: “Nếu là nơi của Tứ phương Tăng thì không được làm tháp, vì Phật pháp tự mình gieo trồng nhân duyên. Nếu như Tăng hòa hợp thì được, Tăng không hòa hợp thì không được làm. Nếu đất của Tăng có các loại hoa, nên để cho người thanh tịnh chọn lấy, theo thứ tự cùng với Tăng tùy ý cung cấp, không được lấy riêng tự mình cúng dường Tam bảo. Nếu như hoa nhiều Tăng lấy không hết, nếu Tăng hòa hợp thì tùy ý lấy dùng. Nếu trong Tăng phòng thì không được dựng tháp làm tượng, bởi vì gần người thì ô uế dơ bẩn không thanh tịnh. Nếu là nhà có tầng gác chông chất, nếu kinh tượng ở tầng dưới, thì không được ở tầng trên. Nếu hoa ở trong đất tháp thì không được cúng dường Tăng pháp, hợp với phép tắc chỉ nên cúng dường Phật. Hoa này cũng được bán lấy tiền để chi dụng cúng dường tháp. Nếu người là nước trong tháp thì dùng để cung cấp cho tháp, giả sử có dùng còn thừa nếu là người dồn hết công sức cho tháp, thì nên bán nước này lấy tiền thuộc về tháp, không được dùng vào việc khác, sử dụng thì tính theo số tiền xâm phạm. Nếu trong tháp không có người dồn hết công sức quản lý nước, tất cả do Tăng sắp xếp thì nước còn thừa lại bao nhiêu, dễ dàng tính toán tùy theo số lượng mà sử dụng thích hợp”.

Lại trong kinh Văn-thù Vãn nói: “Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Các loại hoa cúng dường còn lại dùng để chữa trị căn bệnh, phương pháp ấy thế nào? Đức Phật bảo với Văn-thù: Hoa chú nguyện 108 biến khác nhau.

Hoa cúng dường Phật, tụng chú rằng:

Nam mô Phật-thát-tả-trị-sa-ha

Hoa cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, chú rằng:

Na-mạt-kha-lô-lữ-Bát-nhã Ba-la-mật đa-thương-sa-ha.

Hoa cúng dường chân Phật, chú rằng:

Na-mạc-ba-đà-chế-điểm-đam-diên-sa-ha.

Hoa cúng dường cây Bồ-đề chú rằng:

Nam mô Bồ-đề bực-lực-khám-lam-sa-ha

Hoa cúng dường nơi chuyển pháp luân, chú rằng:

Nam mô đạt-ma-chước-kha-la-dạ-sa-ha.

Hoa cúng dường tháp, chú rằng:

Na-mạc-du-bạt-da-sa-ha.

Hoa cúng dường Bồ-tát, chú rằng:

Nam mô Bồ-đề tát-đỏa-dã-sa-ha.

Hoa cúng dường chúng Tăng, chú rằng:

Na mạc Tăng già-dã-sa-ha.

Hoa cúng dường hình tượng Phật, chú rằng:

Na-mạc-ba-la-đề-da-sa-ha.

Đức Phật bảo với Văn-thù-sư-lợi: Dùng hoa này, nếu như bốn chúng luôn luôn tin tưởng tu hành, thì nên vào lúc sáng sớm tắm gội súc miệng sạch sẽ niệm công đức của Phật, cung kính hoa này không dùng chân giẫm đạp và bước qua trên hoa, như pháp cầm lấy đặt vào sạch sẽ. Nếu người mắc bệnh sốt rét-sốt nóng-trán đau, đều lấy nước lạnh mài vụn hoa dùng để xoa trên thân thể. Nếu bị kiết lỵ đi ra máu, hoặc trong bụng đau đớn khó chịu, lấy nước uống mài vụn hoa, nên chịu khó uống hoa này. Nếu miệng có lở loét thì lấy nước ấm mài vụn hoa ngâm, chất lỏng hoa này. Nếu Trời mưa không dứt, ở nơi trống trải lấy lửa đốt hoa, khiến cho mưa lập tức ngưng lại. Nếu Trời hạn hán thì ở nơi vắng vẻ, lấy hoa bỏ vào trong nước, lại chú nguyện nước lạnh tiếp tục vẩy lên trên hoa, Trời sẽ tuôn mưa. Nếu các loại trâu ngựa, bản tánh không thuần phục thì lấy hoa cho ăn, sẽ dễ dàng điều phục. Nếu các loại cây ăn quả hoa trái không sum sê, lấy nước lạnh và phân trâu mài vụn đem trộn lẫn với chất lỏng của hoa để tưới vào gốc cây, không được chà đạp thì hoa trái sẽ nhiều. Nếu trong ruộng nhiều nước làm cho mầm mạ hư hại, giã hoa cho vụn để rải vào trong ruộng, thì được sinh trưởng tốt tươi. Nếu trong quốc gia có tật bệnh nguy hại thì lấy nước lạnh mài vụn hoa, xoa lên các loại trống kèn, đánh thổi pháp ra tiếng vang, người nghe thấy sẽ khỏi bệnh. Nếu quốc gia đối địch-giặc thù muốn đến xâm lấn lãnh thổ, lấy nước mài vụn hoa đem đến nơi ấy, dùng để vẩy ra khắp nơi thì nhất định sẽ rút lui. Nếu ở các núi cao có tảng đá lớn, rất nhiều Tỳ-kheo ở trên đá mài vụn hoa, mài hoa đã xong cùng nhau lễ lạy, lâu sau trên đá tự nhiên sinh ra châu báu. (Lược thuật tóm tắt như vậy, còn lại rất nhiều y theo kinh). Đức Phật bảo với Văn-thù: Mỗi một câu chú tụng đủ một trăm lễ tám biến, chương cú thần chú này ông hướng đến mọi nơi nên giải thích như pháp dùng hoa cúng dường Phật, hoa cúng dường nơi khác cũng như vậy”.

Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Xưa trong người có hương thơm tên gọi Đại Tượng Tạng, bởi vì đánh nhau với loài Rồng mà phát ra. Nếu đốt một viên thì xuất hiện ánh sáng lớn, có vàng mây nhỏ che phía trên, mùi vị giống như cam lộ, bảy ngày bảy đêm rưới xuống làn mưa

mùi nước thơm ngát. Nếu chạm vào thân thì thân có sắc vàng sáng rực; nếu chạm vào áo quần-cung điện-lầu đài, thì cũng đều có sắc vàng rực rỡ. Nếu có chúng sinh được ngửi thấy mùi hương này, thì trong bảy ngày bảy đêm hoan hỷ vui cười, diệt trừ tất cả bệnh tật không còn oan ức thô bạo, tâm xa lìa sợ hãi nguy hại, chỉ hướng về đại Từ nghĩ đến tất cả chúng sinh. Mình biết điều ấy rồi nên vì mọi người thuyết pháp, khiến cho vô lượng chúng sinh được bất thối chuyển. Còn Ngưu đầu-Chiên Đàn từ núi Ly Cấu Sinh ra, nếu lấy xoa vào thân thì lửa không thể đốt cháy”.

Còn trong kinh Bách Duyệt nói: “Xưa thời Phật còn tại thế, trong thành Ca-tỳ-la vệ có một Trưởng giả, nhà đó rất giàu có, tiền của châu báu vô lượng, không thể tính kể được, sanh ra một bé trai, dung mạo đoan chánh ít có ở thế gian, các lỗ chân lông nơi thân thể phát ra mùi hương Chiên Đàn, từ miệng cậu bé tỏa ra mùi hương của hoa Ưu Bát. Cha mẹ thấy con mà hoan hỷ vô lượng, nhân đó đặt tên cho con là Chiên Đàn Hương. Tuổi dần lớn lên, cậu Phật xuất gia đạt được quả vị A-la-hán. Tỳ-kheo thấy rồi bèn thưa với đức Phật rằng: Chiên Đàn Hương này, đời trước gieo trồng phước thiện gì mà sanh trong dòng dõi tôn quý, thân miệng tỏa ra mùi hương, lại được gặp Đức Thế tôn xuất gia đắc đạo? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Trong chín mươi mốt kiếp quá khứ trước kia, sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, lúc ấy có vị vua tên gọi Bàn đầu Mạt đế, thân nhận Xá-lợi-phất của Phật xây dựng tòa tháp bằng bốn thứ báu, cao một do tuần mà thường xuyên cúng dường. Lúc ấy có vị Trưởng giả đi vào trong tháp Phật, thấy đất rơi rụng hư hoại bèn nhào bùn đất xoa lên sửa sang lại, dùng hương chiên đàn vẩy lên trên tháp, phát nguyện rồi mà đi. Nhờ công đức này, từ lúc ấy đến nay trải qua chín mươi mốt kiếp, không rơi vào đường ác, sanh trong loài người hay trên cõi Trời thân-miệng thường tỏa mùi hương, hưởng phước vui sướng, cho đến bây giờ mới gặp được ta nên cầu xin xuất gia đạt được đạo quả”.

Lại trong Đại Trang nghiêm Luận nói: “Đức Phật dạy: Xưa Ta từng nghe, thời đức Phật Ca-diếp có một Pháp sư thuyết pháp cho mọi người, ở giữa đại chúng ca ngợi đức Phật Ca-diếp, nhờ duyên này cho nên mạng chung sanh lên cõi Trời người thường được vui sướng. Vào một trăm năm sau khi đức Thích Ca văn Phật nhập Niết-bàn, lúc A du ca Vương, làm Đại Pháp Sư, đạt được quả vị A-la-hán, thường có mùi hương kỳ lạ tỏa ra từ miệng mình. Lúc ấy vị Đại Pháp sư cách nhà vua không xa đang thuyết pháp cho mọi người, mùi hương trong miệng lan

tỏa đến nơi nhà vua, nhà vua ngửi thấy mùi hương trong tâm sinh ra nghi hoặc, dấy lên tư duy rằng: Tỳ-kheo ấy vì hoa hương thơm kỳ lạ ngậm vào trong miệng chẳng, mùi hương mới như vậy! Dấy lên ý nghĩ này rồi, nói với Tỳ-kheo rằng: Mở miệng-súc miệng còn có mùi hương chẳng? Tỳ-kheo nói với nhà vua: Vì sao nói tôi há miệng-súc miệng? Lúc ấy nhà vua đáp rằng: Bởi vì ta ngửi thấy mùi hương trong tâm sinh ra nghi ngờ, cho nên khiến há miệng và súc miệng. Mùi hương càng ngào ngạt, chỉ có mùi hương trong miệng Tỳ-kheo này, Tỳ-kheo khác không thể có được. Nhà vua nói với Tỳ-kheo: Nguyên vì Ta nói cho biết điều ấy! Tỳ-kheo mỉm cười, liền nói kệ rằng:

*“Trên Trời dưới đất vẫn tự tại,
Nay sẽ nói rõ cho người biết
Đây không phải là hương trầm thủy,
Lại không phải hoa lá thân cành
Các loại hương chiên đàn-huân lục,
Hoà hợp có thể sinh ra được,
Ta sinh tâm vô cùng hy hữu,
Mà dấy lên nói lời như vậy,
Nhờ xửa ca ngợi Phật Ca-diếp,
Đã có được mùi hương như vậy
Thời đức Phật ấy đã có rồi,
Cùng với mùi hương mới không khác
Ngày đêm luôn luôn có mùi hương,
Chưa hề có lúc nào đoạn tuyệt”.*

Lại trong kinh Nhật Vân nói: “Khói hương không hết bỏ xuống đất mang lấy tội vượt bờ, (Việt khí tội) suốt năm trăm năm rơi vào địa ngục Phần Niệu. Tại vì sao? Nổi vì tâm ngang nhiên làm càn”.

Còn trong kinh Dạ Vấn nói: “Vật dụng cúng dường trang nghiêm, dùng miệng thổi đi bụi đất, thì đọa vào địa ngục Ưu bát la, gần quả báo làm Thần Vương của gió”.

Lại trong kinh Yếu Dụng nói: “Lỗ mũi ngửi mùi hương, bởi vì làm giảm mùi hương cho nên không có phước đức gì, chánh báo rơi vào địa ngục Ba Đầu Ma, đời vị lai tỷ căn không có hương vị”.

Còn trong kinh Cúng Dường nói: “Lúc cúng dường hương thơm mà miệng không khép lại, sẽ rơi vào địa ngục Hắc Phần Niệu, hết nửa kiếp nhận chịu tội lỗi ấy là báo ứng không có niềm tin phước tuệ. Tại vì sao? Bởi vì dấy lên trạng thái không muốn bụi hương”.

(Những kinh trên đây tuy không có mục lục nhưng đều cảm ứng

với thần giáo cho nên tách biệt sơ lược ghi lại vậy)

Còn trong Tam Thiên Oai Nghi nói: “Đốt hương đặt ở trước Phật có ba điều: Một- Thay hương cũ trong lò; hai_ nhưng nên tự mình lấy hương; ba- Nên bố thí cho người. Chuẩn bị lò hương có ba điều: 1- Nên trước tiên đổ tro cũ nhặt lấy hương trong lò giữ lại một bên; 2- Nên lau chùi làm cho sạch sẽ mới đặt lửa vào, vẫn lấy hương cũ bỏ vào trong lò; 3- Lúc đưa lửa vào cháy rực lên không được thổi làm cho tắt than”.
Tụng rằng:

*Từ lâu chán ngán cây vô minh,
Mới vui mừng tìm hoa Nại-Uyển
Bắt đầu đi vào vùng núi Hương,
Vẫn gặp cỗ xe ngôi nhà lửa
Cha hiền nhiều lần dẫn đưa ra,
Con thơ làm trái nợ ân tình
Tuy hiểu mối nguy chuột gặm cây,
Mà vẫn đau thương trong giỏ rắn.
Lộc uyển-Thiên lâm luôn tốt tươi,
Thúu Lĩnh làm rung chuyển nhánh cây,
Nụ hoa Định sinh ra quả Trí,
Cưỡi hư không tìm cách vượt dòng,
Làn mụa pháp luôn luôn rưới xuống,
Áng mây thơm vẫn vũ thêm nhiều
Dường như muốn mọc cánh thành Tiên,
Đến cứu giúp Phật bày hươu mắc lưới.*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra bảy chuyện: 1- Sa-môn Cầu Na Bạt Ma thời Tống; 2- Tề Cao Sĩ Minh Tăng Thiệu; 3- Sa-môn Thích Tuệ Chiêu thời Lương; 4- Tấn An Vương Tiêu Tử Mậu thời Nam Tề; 5- Sa-môn Thích Tuệ Chủ thời Đường; 6- Hương thơm kỳ lạ ở hang Báo vùng Nam sơn-Vị Nam-Ung Châu thời Đường; 7- Đưa ra những nơi sản sinh hương thơm.

1: Xưa kia trong niên hiệu Vĩnh Gia đời Tống, có Tam Tạng Pháp sư cầu na bạt ma là người nước ngoài, nhà vua sắc chỉ mới đến chùa Kỳ-hoàn, cứ mỗi lần giảng thuyết thì bốn chúng quy tụ rất đông. Đã từng kết thúc mùa hạ an cư, người tín tâm hái các loại hoa cúng dường đặt trong tất cả chỗ ngồi của chúng Tăng, kiểm tra thấy chỗ ngồi của mặt Ma hoa vẫn tươi đẹp như ban đầu. Biết trước giờ chết, y theo ngày giờ tắm gội trước, chấp tay tụng kinh ngồi trang nghiêm mà hóa diệt, thân

thể thơm tho mềm mại, ở dưới chỗ ngồi có một quyển văn để lại bút tích của mình, trong đó kẻ nói rằng:

*Mạt Ma người ở nước La bà,
Đến ở trong chùa A lan nhã
Tôi ban đầu đạt được Thánh quả,
Dấu tích của đạo lia phiền não
Nếu như hướng về nước Sư tử,
Thôn xóm tên là Kiếp Ba Lợi
Tiến tu đạt được quả thứ ba,
Đây gọi là quả Tư-đà-hàm.*

Văn Đế càng thêm vui mừng vô cùng. Lại ở trên thi hài thấy có một vật, hình dạng giống như rồng rắn, dài khoảng một thước, vút thẳng lên Trời cao. Tăng chúng đau buồn ngậm ngùi, mới y theo pháp của nước ngoài, lấy củi thơm làm giàn hỏa táng dựng tháp phụng thờ.

Câu chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

2: Chùa Tây Hà thời TỀ, ở trong núi Tần Giai Lý Nhiếp thuộc vùng Giang Thùy Bắc-quận Lang Nha phía Nam Từ Châu do TỀ cao Sĩ bình nguyên Minh Tăng Thiệu, vào giữa niên hiệu Thái Thỉ nhà Tống đã bắt đầu xây dựng, từng nghe tiếng chuông tự ngân vang. Chùa trên núi cách thôn xóm chừng năm, sáu dặm, trong thời Tống Thăng Minh, vào rạng sáng mà dân chúng trong thôn đều trông thấy lưng chừng núi có phan cái bày ra rực rỡ, khói mây năm màu sáng rực chiếu rọi giữa hư không. Già trẻ gái trai nhìn về nơi ấy đều nói là thật, tranh nhau đến xem thì hoàn toàn không thấy gì cả. Lúc ấy có pháp Sư Pháp Độ, ở chùa trên núi giảng về kinh Vô Lượng Thọ, giữa đêm bỗng nhiên có ánh sáng vàng rực chiếu rọi vào chùa, ở trong ánh sáng ấy giống như có lâu đài-hình tượng đang giảng thuyết. Tăng chúng trong chùa và những người hành hương, thực hành không như pháp tắc, và khách tục nam nữ có ướm trước đi vào chùa, thì cộp liền xuất hiện gươm gào tuần phòng, âm vang chấn động núi rừng. Cho đến bây giờ hãy còn như vậy, hoặc có người niệm tụng có chút mệt mỏi lưỡi nhác, thì Sơn Thần hiện hình, nhưng mặc áo đen thân cao một trượng, tay cầm dây thừng, làm cho Tăng chúng kinh sợ, tụng niệm tu tập không dám lưỡi biếng.

3: Thời nhà Lương có chùa Nam Minh Chân, ở vùng Trung Hưng-huyện Mạt Lăng, do Sa-môn Tuệ Chiêu sáng lập vào năm thứ năm niên hiệu Phổ Thông nhà Lương, Tuệ Chiêu sanh ra trong nhà họ Từ, thời nhà TỀ ban đầu đi theo cậu đến Lư Lăng, giữa đường nhặt được một túi vải, trong túi vải có chiếc khăn thêu, trong khăn thêu có tờ giấy

năm màu, tất cả làm thành một gói. Bắt đầu mở bốn lớp cũng không hề thấy gì, mở lớp cuối cùng thấy có ánh sáng, giống như ánh điện chiếu sáng rực cả căn nhà. Vì vậy nhiều lần cảm ứng điềm lành kỳ lạ, đi vào nước không chìm, đi vào lửa không cháy, người nhà cho là phát điên, mới đưa vào cũi nhốt rất chặt, trong chốc lát đã thoát ra ngoài, mới biết là nhờ thần lực. Vì thế thiết lập tòa cao thỉnh cầu phước đức giữa hư không có tiếng nói rằng: Ta là Bồ-tát Trường Sanh, làm lợi ích cho đất nước các người nên y theo Phật pháp cúng dường thanh tịnh! Thế là mọi người tranh nhau đem hương hoa dâng cúng, cứ đến là có linh nghiệm. Người ở Phương Nam là Lý Thúc Hiến sau đó nguyện xin lợi ích cho Châu của mình, về sau quả nhiên làm Thái Sử Giao Châu, bèn làm tượng thần bằng trầm hương. Người thế gian cho rằng thần chú trọng đến hoa hương, nhân đó gọi là Hoa Nương Thần. Mọi người đưa lễ vật cúng dường đến tổ chức trai hội, những gì còn lại Tuệ Chiêu giáo hóa đều dùng để xây chùa.

Hai chuyện trên đây trích từ Lương Kinh Tự ký.

4: Tấn An Vương Tiêu Tử Mậu thời Nam Tề, tự là Vân Xương, là con của Vũ Đế. Năm mới 7 tuổi Nguyễn Thục Viện đã từng mắc bệnh nguy cấp, thỉnh Tăng đến hành đạo, có người dâng hoa sen cúng dường đức Phật, chúng Tăng lấy bình đồng chứa nước, cắm cây hoa vào muốn làm cho không héo rũ, như vậy ba ngày mà hoa càng tươi đẹp Tử Mậu rơi nước mắt lạy Phật thề rằng: Nếu làm cho Di con nhân đây được yên lành, nguyện cầu uy lực của đức Phật khiến cho hoa đến cuối cùng trai hội không úa tàn. Bảy ngày trai kết thúc mà cành hoa càng thêm tươi hồng, xem thấy bình có đôi chút rể mảnh sinh ra, bệnh của Mẹ lại khỏi hẳn. Thời bấy giờ gọi là hiếu cảm vậy. Em trai của Tử Mậu là Nam Hải Vương Tử Hãn, tự là Linh Hoa. Người mẹ tên là Lạc Dung Hoa Mắc bệnh nặng, Tử Hãn ngày đêm lạy cầu khẩn. Lúc ấy lấy tre làm đèn nối tiếp đèn ấy, chiếu sáng Trời đêm vô cùng rõ ràng. Nếu tiếp như vậy suốt đêm mà cành lá tươi tốt hẳn lên, bệnh của mẹ lại lành hẳn.

Sự việc này trích từ Ngô Quân Xuân Thu.

5: Thời đời Đường ở huyện Vĩnh An-Thủ Châu có Sa-môn Thích Tuệ chủ, họ Giả là người trì luật bậc nhất và tạo nhiều phước nghiệp. Sau trở về quê cũ ở Nam Sơn ẩn tích chỉ ăn là tùng, nhiều loài cầm thú cùng tụ tập không một tiếng động. Hoặc là có Sơn Thần cùng đưa Phục Linh-Cam Tùng Hương đến tặng. Sáu thời hành đạo không thiếu một thời nào, các loài cầm thú đi theo bên cạnh lễ Phật tụng kinh, tựa như nghe theo để nương nhờ. Sau khi thọ Bồ-tát giới có bấy khỉ nói là vị vua

khác loài nhưng cùng chung một ánh mặt Trời Phật pháp. Tuệ chủ hết sức kỳ lạ, súc sanh có thể nói được thật là điều chưa có bao giờ. Lại có điềm lành là rồng bay-thú vật tụ tập mang hương kỳ lạ chứa đầy trong núi. Sau có tám người đều mang cung gỗ, vô cùng kính hãi, đến an ủi Tuệ Chủ rằng: Thánh quân xuất thế lúc ấy là niên hiệu khai Hoàng rồi. Đến năm thứ ba niên hiệu Trinh Quán đời Đường, trong chùa có minh Thiên Sư, sáng suốt hơn hẳn mọi người, ban ngày ngồi một mình, thấy không có nửa thân, hương về mọi người nói rằng: Tôi và Tuệ Chủ Luật Sư xây dựng chùa này, hai người một lòng bỗng nhiên mất đi nửa thân, hay là Tuệ Chủ Luật Sư bỏ đi trước chăng? Đến giờ ăn ngày mai, người trong vùng kinh ngạc nói rằng: Hôm qua trong chùa thiết hội, thấy có bốn ngã đường, khách Tăng đông đến mấy ngàn người đi vào chùa, nay ở nơi nào? Bỗng nhiên vào giờ Ngọ hôm ấy Tuệ Chủ không bệnh gì mà qua đời, hưởng thọ 89 tuổi.

6: Thời đời Đường ở vách đá hang Báo vùng Nam Sơn huyện vị Nam-Ung Châu, có vách đá dựng đứng hình dạng giống như con Báo lộn ngược, nhân đó lấy làm tên gọi vậy thôi. Hang đá có mỏm cao hình tượng giống như khuôn mặt đức Phật, cũng gọi là hang Tượng. Cổ xưa tuyên truyền rằng “Xưa có vị Tăng người Hồ Đến đây nói: Ta nghe hang đá này có núi tượng Diện và khám thờ Thất Phật. Xưa có Thất Phật đã từng đến hang này để thuyết pháp, trong khe núi có hoa Chiêm Bạc, thường mang đến cúng dường”. Gần đến giữa niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường, Sa-môn Trí Tích ở chùa Long Trì-Nam Sơn, nghe chuyện tìm đến, đến gần hang đá ngửi thấy mùi hương nhưng chẳng biết ở nơi nào, hết sức ngạc nhiên khi biết mùi hương từ cát trong khe núi tỏa ra, bèn gạt cát xem thử, hình dạng giống như rỗ cỏ tranh, bọc trong đất cát nhưng mà vọ cùng thơm ngát, đem đến dòng nước giữ sạch thì có khe núi đều thơm ngào ngạt mang về trong điện Phật chùa Long Trì thì cả Đại Điện đều sức nức mùi thơm, vô cùng dễ chịu. Dân làng sống dưới chân núi thì trông thấy núi này, có lúc giống như tháp Phật, có lúc hoàn toàn giống như khuôn mặt đức Phật hiện ra uy nghiêm giữa bầu Trời, cho nên gọi là Tượng Đầu chứ không phải là hư cấu mà đặt tên. Cách đó không xa có hang đá rất đẹp, chính là nơi cư trú của Vương Gia vào thời Diêu Tần.

Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.

7: Trong Sưu Thần Ký nói: Xưa kia Phu nhân Câu Dặc vì có tội nên phải chịu tội chết, khâm liệm thi thể không thối mà lại thơm.

Tục Sưu Thần Ký nói: Cửa sông hợp thì có một chiếc thuyền lớn

màu trắng lật úp ở trong nước, người làm nghề chài lưới ban đêm ngủ lại gần đó, nghe âm thanh của đàn tranh-sáo địch vang vọng, lại có mùi hương kỳ lạ phát ra. Tương truyền rằng: Tào công chở kỹ nữ dạo chơi bị lật thuyền ở tại đây.

Dị Uyển nói: Mẹ của Vệ Sĩ Độ ở Tư Châu thường xuyên tụng kinh trường trai, việc trái với đạo lý thì không làm, đã từng đi ra từ trai đường, chúng Tăng chưa ăn, đều nhìn thấy trong vầng mây có một vật đã rơi xuống ở trước mặt, chính là chiếc bát lớn chứa đầy cơm thơm trong đó, tất cả ngời yên tự cảm thấy lễ lạy cung kính trong một lúc, bà mẹ tự mình phân ra trao cho, người thọ trai trong bảy ngày không đói.

Thuật Dị Ký nói: Xưa có người đi đến Lư Sơn lấy gỗ tùng, nghe nói rằng: Nơi này không được lấy! Người này theo âm thanh mà trèo lên, thấy một đóa hoa kỳ lạ có hình thể rất đáng yêu, mùi hoa thơm vô cùng, biết là loài hoa thần dị, vì vậy lấy mà ăn, sống thọ được ba trăm năm.

U Minh Lục nói: Trần Tương Tử, người vùng Ô Trình, Ngô hưng, lần đầu trông thấy kinh Phật, liền học tháp thuật lên mây, đến khi ở nhân gian giữ mình trai tịnh, thì nghe giữa hư không có âm thanh kỳ lạ - mùi hương tỏa ra ngào ngạt-tiếng nhạc véo von.

Hứa Mai Biệt Truyện nói: Hứa Mai thuở nhỏ tên là Ánh, Cao Bình-Diêm Khánh...đều tìm đến theo học. Ban đầu Cao Bình-Diêm Khánh...còn cách xa Ánh, đốt hương đều có làn khói năm màu tỏa ra.

Phật Đồ trưng Truyện nói: Đồ Trưng dùng bình bát đựng nước, đốt hương chú nguyện rồi, trong chốc lát mọc lên đóa hoa sen màu xanh.

Bác vật Chí nói: Sứ giả Tây Vực dâng tặng hương liệu, nhà Hán quy định dâng tặng hương liệu không đủ cân thì không thể nhận được. Sứ giả Tây Vực sắp đi mới phát ra đồ đựng hương liệu, giống như hạt đậu lớn, thử đặt trước cửa cung điện, mùi hương tỏa ra bốn phía Trường An trong mấy mươi dặm đều ngửi thấy, qua một ngày mới hết mùi hương.

Phù Nam Truyện nói: Người ở nước Đốn Tốn, luôn luôn dùng hương hoa thờ cúng Thiên thần, hương có nhiều loại, phân biệt chọn ra cánh hoa kỹ càng, tất cả các loại hoa trộn lẫn chế biến thành một loại hoa, mùa Đông-mùa Hạ không suy tàn, hàng ngày chở mấy chục xe vào chợ để bán, khô ráo lại càng thơm, cũng có thể làm phấn thơm xoa vào thân thể.

Thuật Chinh Ký nói: Vùng Bắc Hoang có một phần của Trương Mẫu, xưa kia nói là vợ của Vương Thị, mai táng có ghi lại năm tháng.

Về sau khai quật mộ phần mà lửa hương hầy còn cháy, nhà ấy thờ phụng xưng là Thanh Thủy Đạo.

Thế Thuyết nói: Thời Hoàn Xa Kì có người ở trang ấp họ Trần, đi vào trong núi Vũ Đang học đạo, nơi cư trú có khói trắng mùi thơm ngửi thấy ngào ngạt.

Xạ hương, trong Sơn Hải Kinh nói: “Núi Thuý âm u có nhiều Cây Hương”. Bốn Thảo kinh nói: “Xạ Hương có vị cay, trừ bỏ ác khí giết chết quỷ tinh, sống trong vùng Đài Sơn”.

Uy Nhuy Hương, trong Tôn Thị Thụy Ứng Đồ nói: “Uy Nhuy Hương ấy là vị vua lễ nghi đầy đủ lắm thì phát sanh vốn có một ngày; vị vua yêu quý mạng người thì sanh ra, cùng gọi là Uy Hương”.

Uất Kim Hương, trong Chu lễ Xuân Quan thượng Uất Nhân nói: “Người Uất ức nắm vật dụng trong tay, hễ bước lên chào đón nắm tay khách bạn, quan hệ hài hòa uất ức thông suốt, đem sự thật theo phép tắc mà bày tỏ (Trúc Uất Kim nấu để hòa với rước xướngvậ)”.

Thuyết Văn nói: Hoa của nhiều loại cỏ tươi tốt suôn sẻ, từ phương xa dâng tặng tốt đẹp cho người khác, người Uất ức hợp lại mà nung nấu để làm cho tinh thần phải thuần phục.

Tô Hợp Hương, trong Tục Hán Thư nói: “Nước Đại Tần tổng hợp các loại hương mà sắc lại, chất lỏng đó gọi là tô Hợp”. Trong Quảng Chí nói: “Tô Hợp Hương xuất phát từ nước Đại Tần; hoặc nói là nước Tô Hợp, là người trong nước sưu tập chế biến mà thành, ép chất lỏng đó để làm dầu thơm, mới bán cặn lắng của hỗn hợp đó cho khách buôn. Hoặc nói; Tổng hợp các loại cỏ thơm nấu cô lại làm Tô Hợp, không phải là một loại vật tự nhiên nào”. Trong Phó tử nói: “Các nước phương Tây nói liều, Tô Hợp Hương ấy là loài thú đã tạo ra Trung Quốc đều lấy làm kỳ lạ”.

Kê Thiệt Hương, trong Ngô Thời Ngoại Quốc Truyện nói: “Ngũ Mã Châu sản xuất ra Kê Kiệt Hương”. Trong Tục Sưu Thần Kỳ nói: “Lưu Quảng là người quận Dự Chương, tuổi trẻ chưa kết hôn, đến Điền Xá gặp một cô gái nói: Tôi là Hà tham quân phái nữ, năm 14 tuổi đã chết yếu, được Tây vương Mẫu nuôi dưỡng, khiến xuống trần gian kết bạn với con người. Lưu Quảng cùng với cô gái quấn quýt không rời, hôm ấy ở dưới chiếu thấy có chiếc khăn tay bên trong giấu Kê Thiệt Hương. Mẹ Lưu Quảng lấy khăn đốt bỏ, thì chính là Hỏa Cán Bố (vải chịu lửa)”. Trong Nam Châu Di Vật chí nói: “Kê Thiệt Hương sinh ra từ cây Đường Lê”. Bạc Châu nói: “Cỏ này có thể chứa mùi thơm bên trong”. Du Ích Kỳ Tiên nói: “Người nước ngoài luôn luôn nói liều về

các loại hương, cùng là một cây, hoa của cây là Kê Thiệt Hương vậy”.

Trước Đầu Hương, trong Giang Biểu Truyện nói: “Ngụy Văn Đế sai sứ đến nước Ngô tìm kiếm Tước đầu Hương”.

Huân Lục Hương, trong Ngụy Lược nói: “Đại Tần sản xuất ra Huân Lục”. Trong Nam Phương Thảo vật trạng nói: “Huân Lục Hương phát xuất từ nước Đại Tần, nói rằng ở bên bờ biển tự nhiên có cây lớn lên từ trong cát, lúc giữa mùa hạ mũ cây chảy ra trên cát người tộc Di nhặt lấy bán cho người ta”. Nam Châu Dị Vật Chí cũng có đủ như vậy, nhưng nói là hình dạng như mũ cây Đào; Điển Thuật cũng như vậy chỉ nói: “Giống như nhựa cây Đào-cây Thông theo pháp ăn uống Tăng thêm khiến nổi thông được với thần linh”. Du Ích Kỳ Tiên nói: “Các loại hương cùng chung một cây này, nhựa cây làm thành Huân Lục”.

Lưu Hoàng Hương, trong Ngô Thời Ngoại Quốc Truyện nói: “Lưu Hoàng Hương phát xuất từ nước Đô Côn, ở về phía Nam vùng Phù Nam hơn ba ngàn dặm”. Trong Nam Châu Dị Vật Chí cũng nói vậy. Trong Quảng Chí nói: Lưu Hoàng Hương sản sinh từ đất nước bên bờ biển phía Nam”.

Thanh Mộc Hương, trong Quảng Chí nói: “Thanh mộc phát sinh từ Giao Châu”. Trong Từ Trung Nam phương Ký nói: “Thanh Mộc Hương có ở nước Thiên Đốc, không biết rõ hình dáng”. Trong Nam Châu Dị Vật Chí nói: “Thanh Mộc Hương sinh ra ở Thiên Trúc, thân của loại cỏ này hình dạng giống như Cam Thảo”. Trong Du Ích Kỳ Tiên nói: “Các loại hương cùng chung một cây này, mắt trên thân cây là Thanh Mộc Hương”.

Chiên Đàn Hương, trong Trúc Pháp Chân Đăng La Sơn Sớ nói: “Chiên Đàn Hương sinh ra ở nước ngoài, cuối niên hiệu Nguyên Gia nhà Tống có Tăng Thành Đăng, ở trong núi thấy một cây to, tán tròn che mát mấy mẫu-chu vi hơn ba trượng, mùi thơm tỏa ra ngào ngạt, trong đó có cành khô mấy thước, trèo lên dùng dao để chặt, đó là Bạch Chiên Đàn”.

Trong Du Ích Kỳ Tiên nói: “Các loại hương cùng chung một thân cây, thân cây là Chiên Đàn Hương vậy”.

Cam Tùng Hương, trong Quảng Chí nói: “Cam Tùng có ở các núi vùng Lương Châu”. Đầu Nạp Hương, trong Ngụy Lược nói: “Đầu Nạp Hương phát sinh từ nước Đại Tần”. Trong Quảng Chí nói: “Đầu Nạp Hương phát sinh từ phương Tây”.

Ngải nạp hương, trong Quảng Chí nói: “Ngải Nạp Hương phát sinh từ nước Phiêu”. Trong Nhạc Phủ Ca nói: “Người Hồ đi từ đâu

đến, các nước mang đến cái gì, thử len xếp lại đưa về, năm loại Mộc Hương say mãi, Ngãi Nạp cùng với Đô Lương”.

Hoắc Hương, trong Quảng Chí nói: “Hoắc Hương phát sinh từ các nước phương Nam”. Trong Ngô Thời Ngoại Quốc Truyện nói: “Hoắc Hương phát sinh từ vùng Phù Nam thuộc nước Đô Côn”. Trong Nam Châu Dị Vật chí nói: “Hoắc Hương phát sinh từ nước Điển Tốn bên biển, thuộc về Phù Nam, hương giống như Đô lương, có thể đặt vào trong áo quần”. Trong Du ích Kỳ Tiên nói: “Các loại hương cùng chung một cây này, lá cây là Hoắc Hương”.

Phong Hương, trong Nam phương Ký nói: “Phong Hương là cây có hạt giống như trứng vịt, phơi khô bung ra có thể đun cháy”. Trong Ngụy Vũ Lệnh nói: “Nhà cửa phòng ốc không trong lành thì có thể đốt mủ cây Phong và cây hoa Huệ khiến cho trong lành”.

Sạn Hương, trong Quảng Chí nói: “Sạn Hương phát sinh từ các nước phương Nam”. Mộc Mật Hương, trong Dị Vật Chí nói: “Mộc Mật hương gọi là hương Thụ, sống ngàn năm gốc rễ rất lớn, bốn, năm năm trước chặt dao không vào, bèn đến xem thử. Trải qua năm tháng dài lâu, thân cây mục nát tàn tạ, nhưng lõi cây bên trong rất cứng, chỉ còn lại mùi thơm ngào ngạt mà thôi”. Trong Quảng Chí nói: “Mộc Mật Hương phát sinh từ Giao Châu và phương Tây”. Trong Bản Thảo Kinh nói: “Mộc Hương cùng một tên gọi Mộc Hương, vị cay mà ấm”.

Bình hương, trong Nam Phương Thảo vật trang nói: “Thân cây Bình Hương sinh trưởng ở vùng Ô Hứa”.

Đô Lương Hương, trong Quảng Chí nói: “Đô Lương Hương phát sinh từ vùng Hoài Nam”. Trầm Hương, trong Dị Uyển nói: “Sa-môn Chi Pháp còn ở Quảng Châu, có tám thước đệm bông, lại có tám ván giường tám thước bằng trầm Hương. Trong thời Thái Nguyên nhà Ngô, Vương Hán là Châu Đại nhi, khuyên nhủ cầu xin hai vật này không được, bèn giết hại mà lấy về cho mình”. Trong Nam Châu dị Vật Chí nói: “Mộc Hương sản sinh từ vùng Nhật Nam, muốn lấy được trước tiên phải chặt đổ cây, nằm trên tích lũy lâu ngày, phần bên ngoài mục nát hư hoại, phần lõi trong ruột cây rất cứng, bỏ vào nước thì chìm nên gọi là Trầm Hương. Sau đó ở trong ruột chuyển sang màu trắng, không cứng lắm, bỏ vào trong nước không chìm không nổi, cân bằng với mặt nước, đó gọi là Sạn Hương; loại đó nhỏ nhất hơi trắng, thì gọi là Tạm Hương”. Trong Cố Vi Quảng Châu Ký nói: “Huyện Tân Hưng đều biết đến Trầm Hương, giống như loài cây Đồng Tâm, người địa phương chặt ngã trái qua hơn năm thì vỏ ngoài mục rã, còn lại lõi cứng bên trong chính là

Trầm hương”. Trong Du Ích Kỳ Tiên nói: “Các loại hương cùng chung một loài cây, phần lõi của cây làm thành Trầm Hương”.

Giáp Hương, trong Quảng Chí nói: “Giáp Hương phát sinh ở Nam Phương”. Trong Phạm Hoa Hòa Hương Phương nói: “Giáp Hương trước kia sắc lại chính là sạ Hương vậy”.

Mê Diệp Hương, trong Ngụy Lược nói: “Đại sản xuất ra Mê Diệp hương”. Trong Quảng Chí nói: “Mê Diệp Hương phát sinh từ trong Tây Hải”.

Linh Lăng Hương, trong Nam Việt Chí nói: “Linh Lăng Hương, người địa phương nói là Yên Thảo Vân hương. Người lớn vào mùa hạ theo lễ nghi tôn kính, trẻ nhỏ vào tháng Giêng hái cỏ Vân Hương làm thức ăn trảy hội”. Trong Lễ Ký Nguyệt lệnh nói: “Tháng Trọng Đông cỏ Vân Hương bắt đầu mọc”. Trong Trịnh huyền nói là Vân Hương Thảo. Thuyết Văn nói: Cỏ Vân Hương tựa như cỏ Mục Túc (Linh Lăng). Hoài Nam nói: Cỏ Vân Hương có thể chết đi mà sinh sôi trở lại.

Lan Hương, trong Chu Dịch hệ Từ nói: “Nói là cỏ Đồng Tâm thì mùi vị ấy giống như cỏ Lan; Vương Quảng nói là Lan Phương vậy. Trong Dịch Thông Quái Nghiệm nói: “Tiết Đông Chí lạnh lẽo không có gió thổi đến thì cỏ Lan bắt đầu sinh sôi rồi: “Thuyết Văn nói: “Lan Hương Thảo vậy”. Trong Bản Thảo kinh nói: “Lan Thảo cùng chung tên gọi Thủy Hương, uống nhiều có ích cho sức khỏe, thân thể nhẹ nhàng không già đi”. Hòa Hương sinh ra từ trong Mông-Sở, cho nên tra cứu hợp lại thuật làm bài tựa về Hòe Hương.

Đâu Mạt Hương, trong Hán vũ Cố Sự nói: “Tây Vương Mẫu sẽ đi lên phía trên đốt Đâu Mạt Hương. Đâu Mạt Hương ấy là do nước Đâu Cừ dâng tặng, giống như hạt đậu lớn, xoa hương trên cửa thì trăm dặm cũng ngửi thấy. Vùng Quan Trung đã từng xảy ra đại dịch, người chết tiếp theo nhau, đốt hương này lên thì người chết ngưng lại”.

Phản Sinh Hương, trong Chân Nhân Quan Doãn Truyện nói: “Lão Tử rằng: Lúc Chân Nhân đi lại tất cả đều ngồi trên hoa sen, hoa lớn mười trượng có Phản Sinh Linh Hương, ngược gió ba mươi dặm cũng ngửi thấy”.

Thần Hương, trong Thập Châu Ký nói: “Năm thứ ba niên hiệu Thiên Hán thời Tây Hán, sứ giả nhà vua Tây Quốc dâng tặng Linh Giao Cát Cầu Thần Hương, sứ giả nói: Hương này khi dấy lên bệnh tật chết người làm cho non yếu, thì tốt lên sẽ trừ được tai họa. Vào niên hiệu Hậu Nguyên-Tây Hán trong thành Trường An xảy ra Đại dịch người chết mỗi ngày cả trăm mạng, nhà Vua thử lấy thần Hương của nước

Nguyệt Chi đốt lên ở trong thành, người chết chưa quá ba ngày đều sống lại, mùi thơm trải qua ba ngày vẫn còn. Nhà vua sai người bí mật ghi lại về sau bỗng nhiên thất lạc”.

Kinh Tinh Hương, trong Thập Châu Ký nói: “Tụ lại nói là Châu, ở giữa Tây Hải, phía trên có nhiều lầu quán linh thiêng của Thần Tiên, cửa phía Bắc của cung điện có cây lớn, tương tự cây Phong mà lại thơm ngát, cách mấy trăm dặm vẫn ngửi thấy, tên gọi là cây là cây phản hồn. Gõ vào cây có thể phát ra tiếng như trâu rống. Người nghe kinh động khiếp sợ mà chột đố, lấy lõi thân cây bỏ vào trong nồi ngọc sắc lấy chất lỏng, lại cô đặc khiến cho có thể vo tròn, gọi là kinh Tinh Hương, hoặc gọi là Chấn Linh, lại gọi là Phản Sanh Hương, hoặc gọi là Nhân Điều Tinh, hoặc gọi là Khước Tử Hương. Hương tỏa xa mấy trăm dặm, thấy xác còn trên đất ngửi mùi hương vẫn sống lại được”.

Thiên thứ 34: BỐI TÁN

Thiên này có Bốn Phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Tán thán và Âm nhạc.

Thứ nhất- PHÂN THUẬT Ý

Nói đến chí nguyện kể lại ngợi ca thì dựa vào văn từ ngâm ca vịnh, văn từ ngâm nga ca vịnh dựa vào âm hưởng phát ra. Vì vậy ngâm ca vịnh thông thạo thì nói rõ chí nguyện kể lại ngợi ca, âm hưởng phát ra tuyệt vời thì thông suốt văn từ ngâm nga ca vịnh. Ngôn từ cần có âm thanh chính là lý giúp đỡ cho nhau vậy. Tìm thấy Tây phương có Bối Diệp, giống như Đông quốc có Tán văn. Tán là thuận theo văn từ để kết thành âm thanh, bối là bài kệ ngắn dùng để ngợi ca truyền bá, ví như ý nghĩa sự việc ấy, tên gọi khác nhau mà thật sự giống nhau. Vì vậy kinh nói. Dùng âm thanh vi diệu xướng ca tán thán công đức của Phật chính là nói đến điều này vậy. Xưa đức Thích Tôn nhập định, đàn ca làm chấn động hang đá; Bà Đề nâng bối diệp, Thánh thốt vang vọng cõi Tịnh Cư. Hiểu rõ cuộc đời âm thanh, hẳn nhiên không lấy được mà phù hợp rồi. Còn như thời kỳ cuối cùng, tu tập đạt tới cực điểm, thì sẽ có ứng nghiệm rõ ràng. Vì vậy bày tỏ suy tư tập trung ý tưởng, cảm Phạm Xướng của Ngưu Sơn, thể nguyện trên cầu lụa; thông diệu âm của Đại Sĩ, cần hành vui rèn luyện. Tiếp nhận âm thanh giáo pháp từ nơi sâu thẳm cõi nguồn, văn từ nói ra chân thành khích lệ; biểu đạt tiếng vọng giấc mơ ở tại gian phòng thanh khiết, đều có thể miêu tả trạng thái của Thiên cung, phỏng theo âm thanh của quốc độ thanh tịnh, trầm bổng hợp với ngôn từ, ra vào trích lọc văn chương, đây cũng là hiển thị điềm báo của thần ứng, quy phạm rõ ràng của người học. Vốn dĩ âm kinh là vi diệu phát xuất tự nhiên, chế định làm cho có thể tu mà nghiên ngẫm âm vang chẳng phải luyện tập. Vì lẽ đó gọi mở rõ ràng tiếng đạo làm thay đổi tùy thuận thế gian, nên khiến cho trong mà không non yếu, mạnh mà không dồn sức, chảy mà không vượt quá, ngưng mà không ứ lại, phát triển hướng về cảnh sắc của Thứu Lĩnh thần kỳ, ý vị kết thành tác phong của mây cuộn Trời cao. Xa tùy theo thì mệnh mông cuộn cuộn mà nghiêm khắc thanh cao, gần thuộc về thì bình thản tự nhiên mà hài hòa cung kính, đây chính là đại thể ấy vậy. Kinh xưng gọi như tiếng sấm động sâu xa, điều ấy ở ạti nội này vậy. Nếu như nói là giảng thuyết kết hợp trai giới quy tụ mọi người, thì về lâu dài hằng đêm chậm chậm bình yên tất hương che nển, ngủ nghỉ che bít sáu tình, mệt mỏi ràng buộc bốn thể, thế là chọn tiếng vang tuyệt diệu để bước lên đài cao, lựa âm thanh thù

thắng để bắt đầu chuyển động. Cung-Thương làm rầm phát ra làm cho vàng ngọc chấn động, trở lại chuyển hóa Tứ sanh thương xót làm vui Thất chúng, cùng chung âm thanh của Ca lãng tần già, bình đẳng tiếng vọng của chim Loan thần diệu, có thể khiến cho hồn ngủ trải qua mở mang-tình lười trở lại nghiêm túc, đầy nhà kinh động bên tai, mọi nơi trong tâm hoan hỷ. Lúc đang như vậy, mới biết âm thanh kinh pháp là quý báu rồi.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Trường A hàm nói: “Có năm loại âm thanh thanh tịnh ấy, mới gọi là Phạm âm. Như thế nào là năm loại? Một là âm đó chính trực, hai là âm đó hòa nhã, ba là âm đó thanh triệt, bốn là âm đó sâu sắc tròn đầy, năm là nghe xa khắp nơi. Có đủ năm loại này mới gọi là Phạm âm”.

Lại trong kinh Phạm Ma Dụ nói: “Như lai thuyết pháp có tám loại âm thanh: 1- Âm thanh hay nhất, 2- Âm thanh dễ hiểu, 3- Âm thanh dịu dàng, 4- Âm thanh điều hòa, 5- Âm thanh tôn tuệ, 6- Âm thanh không sai, 7- Âm thanh sâu xa vi diệu, 8- Âm thanh không phải nữ giới. Lời nói không thiếu sót, không được khuyết điểm là vậy”.

Lại trong Thập Tụng Luật nói: “Vì Chư Thiên nghe ca tụng mà tâm hoan hỷ cho nên khai bày âm thanh ca tụng”.

Lại trong kinh Tỳ-ni Mẫu nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Tùy ý các ông ca tụng, ca tụng là từ của ngôn thuyết, tuy tùy ý ngôn thuyết mà không biết thuyết về những pháp gì. Đức Phật dạy: Từ Tu đa la cho đến Ưu ba đề xá, tùy ý đã tuyên thuyết mười hai bộ kinh. Lại có tâm nghi ngờ, nếu muốn lần lượt giải thích văn từ, thì chúng đông-văn nhiều, sợ rằng sinh ra mệt mỏi chán ngán, nếu soạn tập văn từ tốt đẹp, thẳng thắn nêu ra rõ ràng nghĩa lý, thì không biết sẽ như thế nào? Vì nhân duyên này, thưa bày rõ ràng với Đức Thế tôn. Đức Phật liền đồng ý. Các Tỳ-kheo dẫn ra ngôn từ vi diệu cốt yếu trong kinh, thẳng thắn hiển bày nghĩa lý ấy.

Lúc bấy giờ có một Tỳ-kheo, cách đức Phật không xa, đứng dậy cao tiếng phát ra âm thanh tụng kinh. Đức Phật nghe xong không đồng ý sử dụng âm thanh này tụng kinh, bởi vì có năm sai lầm, giống như ca âm thuyết pháp của ngoại đạo: 1- Không tự kiểm chế mình, 2- Không hợp với người nghe, 3- Chư Thiên không vui lòng, 4- Lời không chính đáng khó hiểu, 5- Lời không khéo léo cho nên nghĩa cũng khó hiểu. Đây gọi là năm loại sai lầm”.

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: “ Xưa thời Phật còn tại thế, vua Ba-tư-nặc cùng với quân lính đến Kỳ-hoàn, đi qua giới hạn nghe tiếng ca tụng thanh nhã trong lành của một Tỳ-kheo, quân lính đứng lại nghe không hề thỏa mãn, voi ngựa đồng tai đứng mãi không chịu đi, nhà vua và quân lính bèn đi vào chùa xem sao, trông thấy Tỳ-kheo đang ca tụng, hình dung tướng mạo thấp bé xấu xí vô cùng, nhà vua thấy không chịu nổi, nhà vua bèn thưa hỏi đức Phật, nay Tỳ-kheo này đời trước đã gây ra nghiệp gì mà chịu quả báo này? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Quá khứ trước đây có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca-diếp, sau khi ngài nhập Niết-bàn, vua Cơ Lý Tỳ thâm nhận Xá-lợi, muốn xây tháp để phụng thờ. Có bốn Long vương hóa làm hình dạng con người, đi đến nơi nhà vua, hỏi về chuyện xây tháp, là dùng vật báu làm tháp hay là dùng đất đá vậy? Nhà vua bèn trả lời rằng: Muốn làm cho to lớn nhưng không có nhiều vật báu, nay phải làm bằng đất đá, khiến cho vuông vức năm dặm-cai hai mươi dặm. Long vương thưa với nhà vua rằng: Tôi là Long vương cho nên đến hỏi với nhau, nếu dùng vật báu để làm thì tôi sẽ phụ giúp! Nhà vua nghe vô cùng hoan hỷ. Long vương lại nói nhà vua: Ở ngoài bốn cửa thành có bốn dòng suối, dòng suối cửa phía Đông lấy dùng làm gạch thẻ, sẽ biến thành lưu ly; dòng suối cửa phía Nam lấy dùng làm gạch thẻ, sẽ biến thành vàng ròng; dòng suối cửa phía Tây lấy dùng làm gạch thẻ, sẽ biến thành bạc trắng; dòng suối cửa phía Bắc lấy dùng làm gạch thẻ, sẽ biến thành ngọc trắng. Nhà vua nghe lời nói rằng, lòng càng hoan hỷ gấp bội, bèn giao cho bốn người quản lý, mỗi người trông coi một phía. Ba người quản lý ấy làm việc sắp hoàn thành, một người quản lý lơ lửng công việc nên riêng phía của mình không thành tựu. Nhà vua đi xem trông thấy theo lý quả trách, người ấy trong lòng oán hận bèn thưa với nhà vua rằng: Tháp này lớn quá, làm đến lúc nào mới xong? Nhà vua truyền lệnh cho người làm cố gắng làm suốt ngày đêm, trong thời gian ngắn đã hoàn tất, tháp rất cao lớn trang nghiêm bằng các thứ báu, nhìn thấy vô cùng rực rỡ tráng lệ. Người quản lý lơ lửng ấy thấy rồi, hoan hỷ nhảy múa mừng vui, sám hối lỗi lầm trước đây, mang một chiếc chuông vàng treo lên đầu tòa tháp, phát nguyện rằng khiến cho con sinh ra có được âm thanh hay nhất, tất cả chúng sinh không có ai không thích nghe, tương lai có đức Phật danh hiệu Thích Ca Mâu Ni, khiến cho con được gặp và được độ thoát sanh tử. Bởi vì xưa kia hiềm ghét tháp thờ to lớn, cho nên sanh ra luôn luôn xấu xí. Bởi vì mang chuông vàng treo lên trên đỉnh tháp thờ, và nguyện được gặp đức Phật, từ lúc ấy đến nay trong năm trăm đời,

có âm thanh vô cùng tốt lành, nay lại được gặp Đức Phật và xuất gia tu đạo đắc quả A-la-hán. Vì nhân duyên này, tất cả chúng sinh thấy người khác làm điều phước thiện, không nên chê bai hủy báng, đời sau sẽ gặp quả báo, hối hận cũng không còn kịp”.

Thứ ba- PHẦN TÁN THÁN

Như kinh Bồ-tát Bốn Hạnh nói; “Đức Phật bảo với A nan: Ta nhớ xưa kia, có một Đức Như lai xuất hiện ở thế gian, danh hiệu là Phát sa đa đà A già độ A la ha Tam miệu Tam Phật Đà. Lúc ấy đức Phật an trú trong hang đá tạp bảo, ta gặp đức Phật ấy tâm sanh hoan hỷ, chấp tay cung kính, một chân quỳ xuống, trong bảy ngày 7 đêm rồi dùng bài kệ này, ca ngợi đức Phật mà nói kệ rằng:

*Trên Trời dưới đất không có ai như Phật,
Mười phương thế giới cũng không gì sánh được,
Hết thấy thế gian con đã từng trông thấy,
Tất cả không có ai sáng bằng đức Phật.*

Này A nan! Ta dùng kệ này ca ngợi đức Phật rồi, phát nguyện như vậy, cho đến khi đức Phật ấy bảo với thị giả của Ngài rằng: Người này trải qua chín mươi bốn kiếp, sẽ được thành Phật, danh hiệu Thích Ca Mâu Ni. Ta ở lúc ấy, được thọ ký rồi, không rời tinh tiến Tăng thêm công đức, trong vô lượng đời sống làm Phạm Thiên-Đế thích-Chuyển luân Thánh Vương. Nhờ năng lực của nhân duyên thiện nghiệp này, Ta có được đầy đủ bốn loại biện tài, không có một người nào có năng lực cùng với Ta bàn luận mà hàng phục được Ta. Ta được thành tựu quả vị A nậu Bồ-đề, cho đến chuyển vận pháp luân Vô thượng”.

Lại trong kinh Niết-bàn nói: “Lúc ấy Bồ-tát Ca-diếp, liền ở trước đức Phật dùng kệ ca ngợi Đức Phật:

*Đấng Đại y Vương thương xót cứu chúng sinh,
Thân tướng trí tuệ đều vắng lặng rỗng rang,
Trong pháp vô ngã có đại Nhã chân như,
Vì vậy con kính lễ Đấng Vô thượng Tôn.
Phát tâm rốt cuối cả hai không sai khác,
Hai tâm như vậy tâm trước là khó có,
Tự mình chưa được độ trước độ cho người,
Vì vậy con kính lễ người mới phát tâm”.*

Trong Bảo Tánh Luận có kệ rằng:

*Nay con xin chí thành quy mạng,
Hết thấy các đấng Vô thượng Tôn,*

Để mở toang kho tạng Pháp vương,
 Lợi ích cho tất cả chúng sinh.
 Thế tánh Phật không có đời trước,
 Và không có giới hạn trung gian
 Lại cũng không có phạm vi sau,
 Vắng lặng rỗng rang tự hiểu biết
 Khi đã tự mình hiểu biết rồi,
 Chỉ bày cho người để người hiểu
 Vì vậy thuyết giảng cho người ấy,
 Luôn luôn hành đạo không sợ hãi.
 Súc Từ bi-trí tuệ của Phật,
 Luôn luôn nắm chặt chày Kim cang
 Đập tan núi lớn các kiến giải,
 Cho nên nay con kính lễ.
 Giáo pháp không thể nghĩ bàn được,
 Chẳng phải cảnh giới của Văn Tuệ,
 Xa lìa ra khỏi mọi ngữ ngôn,
 Trong tâm tư trí tuệ trong lành
 Vàng dương chánh pháp chân diệu ấy,
 Thanh tịnh không vương chút bụi dơ
 Ánh sáng trí tuệ bao la quá,
 Soi chiếu khắp nơi mọi thế gian.
 Luôn luôn phá tan mọi chướng ngại,
 Quán xét hiểu rõ tham sân si,
 Cùng với tất cả các phiền não,
 Cho nên nay con xin kính lễ.
 Bởi vì có thể biết nơi kia,
 Là tự tánh của tâm thanh tịnh,
 Trông thấy phiền não không có thật,
 Cho nên lìa xa các phiền não
 Trí tuệ trong sáng không chướng ngại,
 Như thật nhìn thấy mọi chúng sinh.
 Có đủ tự tánh-tâm thanh tịnh, Là
 cảnh giới pháp thân của Phật
 Trí nhãn trong veo không ngăn ngại,
 Thấy tâm tánh của mọi chúng sinh.
 Khắp nơi vô lượng các cảnh giới,
 Cho nên nay con xin kính lễ”.

Lại trong phát Bồ-đề tâm Luận, Luận chủ có kệ ca ngợi đức Phật rằng:

*Đảnh lễ Đấng vô biên giới hạn,
Phật quá khứ hiện tại vị lai.
Trí tuệ bất động như hư không,
Đấng đại Từ bi cứu thế gian.*

Hai hàng kệ “Bậc thầy Trời người giữa các Trời..” trích từ kinh Phổ Diệu; hai hàng kệ “Như thế nào đạt được trường thọ...” trích từ Niết-bàn, hai hàng kệ “Sắc thân Như lai thật vi diệu...” trích từ Kinh Thắng Man; hai hàng kệ “Ở giữa thế giới như hư không...” trích từ kinh Siêu Nhật Nguyệt.

*Đại Từ bi thương xót chúng sinh,
Làm cho người mù loà tăm tối
Mở mắt đui khiến được nhìn thấy,
Cảm hoá chưa nghe mà hiểu đạo,
Ở giữa thế giới như hư không,
Tựa hoa sen không hề dính nước,
Tâm thanh tịnh siêu việt như vậy,
Cúi đầu lạy Đấng Vô thượng Tôn.*

Thuật lại rằng: Đất Hán lưu hành thích chọn lấy phương pháp tinh giản, cho nên khắp nơi mọi người làm Bối văn phần nhiều là nửa bài kệ. Vì vậy trong Tỳ-ni Mẩu Luận nói: “Không được làm nửa Bối văn, làm thì mắc phải tội Đột cát la”. Vậy thì Phạm Bối này văn từ không biết rõ, theo như Tây phương trích từ kinh điển nào? Đáp: Chỉ bậc Thánh làm ra Bối văn, dựa theo kệ ca ngợi trong kinh, chọn lấy dùng không ngần ngại. Nhưng mà ngôn từ Bối văn của Quan Nội-Quan Ngoại-Ngô Thực, tất cả tùy theo sở thích có nhiều loại Bối Văn-Tán kệ, chỉ vì Hán-Phạm đã khác âm vận cho nên không thể sử dụng lẫn nhau. Mãi đến thời nhà Tống, có Pháp Sư Khương Tăng Hội, vốn là người nước Khang Cư, học rộng biết nhiều có tài biện luận, dịch ra kinh điển, lại giỏi phạm âm, truyền bá Bối văn về Niết-bàn, soạn ra âm thanh ai nhã, làm cho nổi trội giữa thế gian, người học âm thanh đều lấy đây làm mẫu mực vậy. Lại vào thời nhà Tấn trước kia có Pháp Sư Đạo An, biên tập chế định ba khoa, như Thượng kinh-Thượng Giảng-Bồ-tát ...Các bậc tiền hiền không rơi vào phạm vi nơi chốn, pháp tắc trong thiên hạ thì mọi người đều luyện tập thực hành. Đến thời nhà Ngụy, có Trần Tư Vương Tào Thực tự Tử Kiến, là con thứ bốn của Ngụy Vũ Đế vậy Tuổi nhỏ kín đáo vui với sách vở, 10 năm liền tập trung vào văn chương, đưa bút liền

thành tựu, lần đầu không thể thay đổi từ ngữ. Mọi nghệ thuật ở thế gian không có gì không khéo léo thông thạo, Thuần Vu ở Hàm Đan thấy mà kính phục vô cùng nói là người cõi Trời. Tào Thực cứ mỗi khi đọc kinh Phật thì nghiền ngẫm không muốn rời, cho rằng tôn chỉ cao nhất của sự hướng đạo, liền chuyển soạn ra bảy thanh của thể Tán có âm hưởng thẳng giáng rõ ràng vô cùng linh hoạt, người thế gian ngâm nga ca xướng đều học theo như vậy. Tào Thực đã từng dạo qua Ngư Sơn, bỗng nhiên nghe âm hưởng của Phạm Thiên giữa hư không, thanh nhã uyển chuyển cất lên làm rung động tâm tư, một mình lắng nghe rất lâu mà thị vệ theo hầu đều nghe thấy. Tào Thực cảm nhận sâu sắc lý lẽ thần diệu càng hiểu rõ hơn về pháp ứng, bèn phỏng theo âm tiết ấy biên soạn làm thành Phạm Bối, soạn văn chế âm truyền lại làm cách thức cho đời sau. Phạm thanh biểu hiện giữa thế gian bắt đầu từ đây vậy. Bối văn đã lưu truyền ấy, gồm có sáu loại phù hợp với nhau.

Thứ tư- PHẦN ÂM NHẠC

Như kinh Bách duyên nói: “Thời Đức Phật tại thế, những Trưởng giả giàu sang trong thành vương xá, tất cả cùng nhau hợp lại tổ chức lễ hội lớn, bày ra các thứ kỹ nhạc mà tự nhiên vui đùa thỏa thích. Lúc ấy có hai vợ chồng người vũ sư, từ phương Nam đến, mang theo một cô gái xinh đẹp, tên là Thanh Liên Hoa, đoan chánh tuyệt vời hiếm thấy ở thế gian, thông minh trí tuệ khó có ai có thể ứng đáp. Cô gái đều biết đầy đủ 64 nghệ thuật vốn có, hiểu thông thạo về vũ pháp, xoay chuyển qua lại-cúi đầu-ngẩng đầu, hiểu rõ từng đoạn vô cùng linh hoạt, cất giọng nói to rằng: Nay trong thành này có thể có ai múa được như tôi hay không, có ai hiểu rõ kinh luận có thể hỏi đáp cùng tôi không? Lúc ấy có người đáp rằng: có Đức Thế tôn ở Tinh xá Trúc Lâm tại Ca-lan-đà, có sở trường và có năng lực hỏi đáp khiến cho cô không nghi ngờ gì. Vũ nữ nghe rồi, tìm thấy mấy người cùng theo nhau đi, vừa hát vừa múa, đến trong Trúc Lâm thấy Đức Thế tôn mà hãy còn cố ý kiêu mạn phóng dật, cười đùa vô phép không tôn kính trước Đức Như lai. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn trông thấy tình cảnh như vậy, liền dùng thần lực biến vũ nữ này thành bà lão giống như một trăm tuổi-mặt nhăn-răng thưa-môi thâm-lưng còng mà đi, lúc đi vũ nữ tự nhiên nhìn thân thể của mình, hình dạng vô cùng già yếu, bèn dấy lên nói rằng: Nay thân gái này, vì nhân duyên gì mà cuối cùng có tướng suy yếu như vậy xuất hiện, tướng này chắc chắn là uy thần của Phật làm cho mình già yếu như vậy? Liền ở trước đức Phật mà tâm hết sức hổ thẹn, chỉ nguyện xin Đức Thế tôn

tha thứ cho những gì đang thấy! Bấy giờ Đức Thế tôn biết tâm của vũ nữ này đã được điều phục, bèn dùng sức thần thông biến thành thân hình như trước. Đại chúng thấy vũ nữ này thoát già trẻ không có gì bình thường, tất cả đều sanh ra chán ngán lia xa mà tỉnh ngộ lẽ vô thường, tâm ý hiểu thông suốt, có người đạt được bốn quả vị Sa-môn, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Lúc ấy vũ nữ kia và cha mẹ mình, liền ở trước đức Phật cầu xin xuất gia. Đức Phật liền bảo rằng: Thiện lai Tỳ-kheo ni! Tức thì đầu tóc tự rụng, thân mang pháp phục, trở thành Tỳ-kheo ni, tinh chuyên tu tập đạt đến quả vị A-la-hán, chư Thiên và người thế gian trông thấy đều tôn kính ngưỡng mộ. Lúc ấy tất cả đại chúng trông thấy sự việc này rồi, thỉnh cầu đức Phật thuyết về nhân duyên. Đức Phật bảo với đại chúng: vào thời quá khứ vô lượng đời trước kia, Quốc vương Ba-la-nại có Thái tử, tên là Tôn đà lợi, vào núi học đạo đạt được năm loại thần thông, trông thấy Khẩn-na-la nữ, đoan chánh tuyệt diệu hình dạng giống như chư Thiên, thể hiện những dáng vẻ vừa hát vừa múa, làm cho tâm mình rung động, nhìn ngắm khiến sinh lòng say đắm, rời bỏ Tiên Đạo. Ta ở vào lúc ấy, tâm vẫn kiên cố không phát sinh ý tưởng tham dục, nói với Khẩn-na-la nữ rằng: Tất cả các pháp hữu vi không có gì thường còn nhất định, nay ta thấy cô trong hình hài thân thể mình chứa đầy những thứ dơ bẩn thối tha, lớp da mỏng che đầy bên ngoài không thể bảo vệ lâu dài được, đích thực sẽ có lúc đầu bạc-mặt nhăn-lưng còng mà đi lại, nay cô vì sao kiêu mạn phóng túng đến mức như vậy, tiếng ca xưa kia đã thay đổi âm điệu, tại sao ở nơi này thể hiện những dáng vẻ lẳng lơ như vậy? Ngay sau đó Khẩn-na-la nữ, nghe lời này rồi, tìm đến chỗ người Tiên sám hối tội lỗi, nhân đó phát nguyện rằng: Giả sử đời sau con được đoạn trừ sanh tử, con sẽ ở bên cạnh ngài đạt được đạo quả! Đức Phật bảo với đại chúng: Phải biết rằng Vương Tử học Tiên đạo lúc ấy, chính là thân ta bây giờ. Khẩn-na-la nữ lúc ấy, nay chính là Tỳ-kheo ni Thanh Liên Hoa. Nhờ vào lực phát nguyện lúc xa xưa ấy, cho nên nay được gặp ta và xuất gia đắc đạo. Các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

Lại trong Kinh Bách Duyên nói: “Thời đức Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la Vệ có một Trưởng giả, tiền của châu báu vô lượng không thể tính đếm được. Người vợ của Trưởng giả, sinh ra một bé trai đoan chánh tuyệt vời hiếm có ở thế gian. Tuổi dần lớn lên có âm thanh rất hay, làm cho mọi người thích nghe. Được gặp đức Phật và xuất gia đạt đến quả vị A-la-hán. Các Tỳ-kheo cùng nhau thỉnh cầu đức Phật thuyết cho nghe về nhân duyên đắc đạo. Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Trong

chín mươi mốt kiếp quá khứ xưa kia có đức Phật xuất thế danh hiệu Tỳ-bà-thi. Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, có Quốc vương tên gọi Bàn đầu mặt đế, thân nhật Xá-lợi xây tòa tháp bằng bốn thứ báu, cao một do tuần mà thờ phụng cúng dường. Lúc ấy có một người, trông thấy tòa tháp này cho nên trong lòng hoan hỷ, liền phát ra tiếng nhạc để đi vòng quanh tháp cúng dường, phát nguyện mà ra đi. Nhờ công đức này trong chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác, sanh trên cõi Trời hay giữa loài người thường có âm thanh tuyệt vời, khiến cho mọi người đều thích nghe. Cho đến bây giờ được gặp Ta và xuất gia đắc đạo. Các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ vâng mạng thực hạnh”.

Lại trong kinh Bách DUYÊN nói: “Xưa thời đức Phật tại thế, trong thành Xá-vệ có những người dân, tất cả tự mình trang điểm nghiêm túc phát ra nhiều loại kỹ nhạc, đi ra ngoài thành dạo chơi đùa giỡn, đến giữa cổng thành gặp đức Phật và Tăng chúng đi vào thành khát thực. Mọi người được gặp đức Phật trong lòng hoan hỷ lễ bái, liền thể hiện kỹ nhạc cúng dường đức Phật và Tăng chúng, phát nguyện rồi rời xa. Đức Phật liền mỉm cười nói với A nan rằng: Những người này đều nhờ vào sự thể hiện kỹ nhạc mà cúng dường Phật và Tăng. Nhờ công đức này, ở đời vị lai trong một trăm kiếp không rơi vào đường ác, sanh trên cõi Trời hay trong loài người được hưởng vui sướng vô cùng. Sau khi trải qua một trăm kiếp thành vị Bích-chi-Phật, đều cùng một danh hiệu gọi là Diệu Thanh. Vì nhân duyên này, nếu như người nào thể hiện âm nhạc cúng dường Tam bảo, thì sẽ đạt được công đức vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn được. Vì vậy kinh Pháp Hoa có kệ nói:

*“Nếu khiến người thể hiện âm nhạc,
Đánh trống thổi tù và kèn ốc,
Tiêu sáo đàn và các nhạc cụ,
Tỳ bà não bạt và công chiêng
Những âm thanh vi diệu như vậy,
Tất cả mang theo để cúng dường
Nhờ vào nhân duyên phước thiện vốn có,
Đều đã được thành tựu Phật đạo”.*

Lại trong kinh Bồ-tát Xử Thai nói: “Khẩn-na-la trú ở phía Bắc núi Tu di, đi qua Tiểu Thiết vĩ có Đại Hắc Sơn, cũng ở trong mười núi báu, không có Phật pháp-mặt trăng mặt Trời và tinh tú. Nhờ lực của sự bố thí xưa kia nay ở nơi cung điện bảy báu có thọ mạng rất dài; vị vua này xưa kia trong loài người có Đại Trưởng giả, xây dựng làm nên tháp Phật, Khẩn-na-la này bố thí một cây cột chùa làm thành chùa miếu, lại đem

cơm thanh tịnh giúp cho công thợ, thợ mạng chấm dứt làm vị thần trong lòng, ở giữa hai núi. Trước kia ở trong loài người làm Đại Trưởng giả, tích chứa của vô lượng, có một Sa-môn đến khát thực, người vợ bưng cơm đưa cho, thế là vô cùng tức giận, tại sao người ăn xin nhìn ngó vợ tôi, nên làm cho tay chân người này đứt lìa. Thợ mạng chấm dứt về sau nhận chịu hình dáng xấu xí này, trong tám mươi bốn kiếp thường không có tay chân. Chư Thiên mở hội đều cùng với Càn thất bà phân loại cao thấp, chư Thiên sắp tấu nhạc mà dưới nách người ấy chảy mồ hôi, thì tự nhiên lên cõi Trời phía trên, có một Khẩn-na-la tên gọi Đầu Lô Ma đàn ca về thật tướng các pháp để ca ngợi Đức Thế tôn, lúc ấy núi Tu di và các rừng cây thảy đều chấn động. Ca-diếp ở tại chỗ ngồi không thể tự yên ổn được, năm trăm người Tiên tâm sanh mê mẩn điên cuồng mất đi thần túc của mình”.

Lại trong kinh Đại Thọ Khẩn Na La Vương Sở Vấn nói: Lúc bấy giờ Đại Thọ Khẩn-na-la Vương, vì mình đã đánh đàn lưu ly, trang nghiêm hoa lá trên cây Diêm Phù Đà Kim, đã tạo ra nghiệp báo thiện tịnh, ở trước đức Như lai khéo léo tự mình hoà tiếng đàn, và tất cả tám mươi bốn ngàn kỹ nhạc khác. Đang lúc Đại Thọ Vương này gảy đàn-đánh trống, thì âm thanh ấy khắp nơi đều nghe thấy, tam thiên đại thiên thế giới này đều là tiếng đàn và tiếng ca vi diệu, âm nhạc chư Thiên Dục giới đều ẩn đi, hết thảy cây cối hoa cỏ núi rừng đều biến động. Những người rất hay tiến lên mà lại ngã nhào, núi Tu di cao lớn bập bênh không ổn định, tất cả phàm Thánh chỉ trừ hàng Bồ-tát bất thối chuyển, còn lại hết thảy nghe tiếng đàn này, và âm thanh các loại nhạc cụ, đều không tự yên ổn, từ chỗ ngồi đứng dậy múa máy tay chân. Tất cả Thanh văn buông bỏ oai nghi diện mạo đỉnh đặc thư thái, giống như trẻ thơ múa may bỡn cợt không thể nào tự kiềm chế được. Lúc bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan nói với Đại Ca-diếp cùng các Thanh văn Rằng: Các Đại đức đã xa rời phiền não đạt được tám loại giải thoát, tại sao hôm nay tất cả đều bỏ oai nghi, giống như những đứa trẻ toàn thân múa may lay động vậy? Lúc ấy các đại đức Thanh văn đều đáp rằng: này người thiện nam! Chúng tôi ở trong này không được tự tại, giống như mây mù trong núi xoay chuyển gặp gió lớn thổi cây cối, mọi người không có năng lực có thể tự kiềm chế an ổn, chứ không phải là tâm của mọi người đấm say dục lạc đâu. Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan nói với Đại Ca-diếp rằng: Nay ông quan sát uy đức thế lực của Bồ-tát bất thối này, ai thấy như vậy mà lại không phát tâm đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đạo? Uy lực của tiếng đàn đều là âm thanh thuyết pháp, tám ngàn vị Bồ-tát đạt được Vô

sanh nhân”,

Tụng rằng:

*Huyền diệu bày ra tỏa khí lành,
Âm vang thần kỳ thấu u minh
Lên đài cao ngâm vịnh mùa xuân,
Vui sướng mong dấu tích dài lâu
Nhờ hư không cảm được linh giác,
Đạo Ngự Sơn chấn động tâm tư
Miêu tả Thiên Ca bằng Phạm bối,
Mong lan truyền giống như pháp âm
Quên nơi cao vốn không xuống thấp,
Phát phối giữa bầu Trời bao la
Tỳ-kheo cất tiếng Ca bối diệp,
Người và vật phẫn chấn tâm hồn
Ấy là nhờ thông suốt huyền văn,
Liên cảm cánh nhận vút hư không
Thần diệu gọi mở tâm giác ngộ,
Rõ ràng như vậy tự linh thông*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra sáu chuyện: 1- Sa-môn Bạch Pháp Kiều thời nhà Tấn; 2- Sa-môn Chi Đàm Thước thời nhà Tấn; 3- Sa-môn Thích Tăng Biện thời nhà Tề; 4- Sa-môn Thích Đàm Bằng thời nhà Tề; 5- Người làm quan họ Lương thời nhà Tề; 6- Thứ Sử Nhậm Nghĩa Phương thời đời Đường.

1: Thời nhà Tấn ở vùng Trung Sơn có Bạch Pháp Kiều, là người ở Trung Sơn, thớ nhỏ thích đọc tụng mà có phần thiếu sót về âm thanh. Cứ mỗi khi đọc tụng không thể thông suốt là than thở, thế là nhịn ăn sáu hôm bảy ngày bảy đêm, cúi đầu lạy Bồ-tát Quán Âm để cầu khẩn được báo ứng hiện tại. Bạn cùng học khuyên can hết lời mà thê không thay đổi. Đến ngày thứ bảy cảm thấy trong cổ họng rộng mở, liền lấy nước súc miệng sạch sẽ nói rằng: Tôi có cảm ứng rồi! Ngay sau đó đọc tụng ba bộ kinh, tiếng vang xa hơn ba dặm, gần xa ngạc nhiên khen ngợi, người và loài vật đều đến nhìn xem lắng nghe. Sau đó tụng năm mươi vạn lời kinh, ngày đêm ngâm nga uyển chuyển lưu loát dượt dàng. Đến năm 90 tuổi âm thanh vẫn không thay đổi. Vào giữa niên hiệu Vĩnh Hòa thời Tấn Mục Đế, tại thế tại Hà Bắc

2: Thời nhà Tấn có Chi Đàm Thước, vốn là người nước Nguyệt

Chi, cư ngụ tại Kiến Nghiệp. Tuổi trẻ xuất gia chịu khó c耨 rau áo vải, ở tại núi Hổ Khâu nước Ngô. Đầu thời Tấn Hiếu Vũ, truyền chỉ thỉnh đến kinh đô, ở tại chùa Kiến Sơ. Hiếu Vũ Đế từ khi thọ năm giới, tôn kính theo lễ tiết thầy trò. Đàm Thược đặc biệt có âm thanh tuyệt vời giỏi về đọc tụng, đã từng mộng thấy Thiên Thần trao cho phương pháp về âm thanh, tỉnh giấc dựa theo đó chọn lọc sắp xếp soạn thành âm thanh mới. Âm vang cõi Phạm trong lành tỏa ra khắp nơi, lại xoay chuyển trải qua nhiều lần thêm bớt làm cho càng tuyệt diệu, tuy là trước tiên do Đông A sửa chữa-sau đó do Khương Hội làm ra, nhưng từ đầu đến cuối chưa có ai tuyệt diệu như Đàm Thược. Về sau tiếp tục truyền bá sáng tạo không có gì không phải là phương pháp ấy, đã chế định Phạm Bối sáu chữ truyền bá con mãi đến nay. Cuối cùng qua đời nơi cư trú, hưởng thọ tám mươi một tuổi.

3: Thời nhà Tề có Sa-môn Thích Tăng Biện ở Chùa An Lạc, người họ Ngô vùng Kiến Khang, xuất gia ở tại chùa An Lạc, tuổi trẻ thích đọc kinh du dương trầm bổng, một mình một cảnh vào đầu thời nhà Tề không có ai giống như Tăng Biện. Đã từng ở ại Tân Đình cùng với Lưu Thiệu Trạch, Tăng Biện đầu đêm đọc kinh, mới được một cuốn kinh, bổng nhiên có bầy chim Hạc sà xuống tụ tập trước bậc thềm, đến khi Tăng Biện đọc hết một bộ kinh thì bầy chim hạc chốc lát bay đi mất. Từ đó tiếng vang khắp thiên hạ, xa gần đều biết tên, người học sau đó không ai không tôn thờ kính trọng. Ngày mười chín tháng hai năm thứ bảy niên hiệu Vĩnh Minh nhà Tề, Tư Đồ Cảnh Lăng Văn tuyên vương, mộng thấy ở trước Phật ngâm nga một cuốn kinh Duy ma, nhân âm thanh phát ra mà tỉnh giấc, liền đứng lên đi vào trong điện Phật, lại như phương pháp trong giấc mộng, tiếp tục ngâm nga một cuốn kinh Duy ma cổ xưa, thì cảm thấy âm vận lưu loát giống như có công phu thường ngày vậy. Sáng sớm liền triệu tập những người có âm thanh lạ kỳ như Sa-môn Tăng Biện, lần lượt thể hiện âm thanh, Tăng Biện biểu đạt một cuốn kinh Duy Ma cổ xưa, ứng với diêm lành trong một cuốn kệ bảy chữ, thật là số mạng tạo ra con người. Người đời sau có lưu truyền điều ấy, nhưng đều sai lạc về cơ bản. Tăng Biện qua đời vào năm thứ mười một niên hiệu Vĩnh Minh nhà Tề.

4: Thời nhà Tề có Sa-môn Thích Đàm Bằng ở chùa Bạch Mã, là người họ Dương Kiện vùng Nam An. Tuổi trẻ dạo chơi chốn kinh thành, học hỏi chuyển sang đọc tụng ở chùa Bạch mã, âm vận điều hòa rất khéo mà lại tự nhiên tùy ý dễ dàng. Người lúc ấy không thể suy đoán được. Thế là chuyên tinh quy củ lại tìm tòi nghiên cứu thêm, sau đó liền

đến quận thay đổi bộ mặt khớp nhau giữa lời nói và việc làm, tụng ba bộ kinh Bốn Khởi thì âm thanh ấy càng hay. Về sau trở lại nước Thục ở trong chùa Long Uyên, người nước Ba nước Hán nhớ mong âm vận ấy đều tôn sùng danh tiếng mẫu mực của Đàm Bằng. Cứ mỗi khi Phạm âm phát ra thì voi ngựa cất tiếng ngậm ngùi dừng chân đứng lại, nhân đó chế tạo chuông đồng, để cho đời sau luôn luôn có tám âm thanh bốn biện tài, bình thường ở nước Thục có chuông đồng ngân vọng bắt đầu từ đây. Cuối đời tạ thế ở nơi cư trú. Thời Ngô cảnh Đế, Ô Trình Thị có mắc bệnh lâu ngày khó chữa khỏi, và chữa khỏi thì có thể nhờ vào âm hưởng của lời nói. Âm hưởng lời nói ấy ở nơi này mà nơi kia nghe thấy, nhưng tự người nghe không cảm thấy âm thanh to lớn ấy, từ xa nghe thấy giống như người đối diện mà nói, không biết âm thanh từ xa truyền đến. Âm thanh truyền đến tùy theo nơi đã hưởng về ấy, xa xôi chẳng qua là mấy mươi dặm mà thôi.

Bốn chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

5: Thời Bắc Tề có người làm quan họ Lương, gia đình rất giàu có, lúc sắp chết nói với người vợ rằng: Tôi từ trước đến nay có thương một người hầu và một con ngựa đã sử dụng lâu ngày rất hợp ý người, tôi chết rồi có thể đem chôn theo cho tôi, không có thì không có gì để nhờ cậy. Đến khi người ấy chết, người nhà lấy bao chứa đầy đất đè lên giết chết người hầu, con ngựa hãy còn chưa giết. Người hầu chết đã bốn ngày mà sống lại, nói rằng: Lúc ấy không biết là chết đi, bỗng nhiên đến cửa quan phủ, người trong phủ vì thế giữ lại, ở quan phủ trải qua một đêm, sáng sớm trông thấy ông chủ đã mất ấy, bị xiềng xích có lính canh phòng nói đưa vào chỗ quan. Trong thấy nô tỳ gọi lại nói rằng: Ta nói là người chết được sai bảo nô tỳ, cho nên để lại lời nói gọi cô, nay đều tự mình nhận chịu khổ đau ấy hoàn toàn không liên quan đến nhau, bây giờ sẽ thưa với quan phủ tha cho cô. Nói xong mà đi mất, nô tỳ từ ngoài tường ngán nhìn trộm vào, thấy quan phủ hỏi người canh phòng rằng: Hôm qua ép mỡ được nhiều ít? Trả lời rằng: Được tám đấu. Quan phủ nói: Tiếp tục đem đi ép lấy một học sáu đấu! Ông chủ thì bị bức ép dẫn ra ngoài cuối cùng không nói được gì. Sáng mai lại đến, có sắc mặt tốt hơn, nói với nô tỳ rằng: Hôm nay sẽ thưa trình cho cô. Lại đưa vào quan phủ hỏi ép được mỡ chẳng? Trả lời rằng không ép được. Quan phủ hỏi tại vì sao? Người quản lý nói: Người này chết ba ngày, người nhà vì người chết thỉnh Tăng thiết lễ cầu nguyện, cứ mỗi khi nghe tiếng lầm râm niệm kinh thì xà sắt liền gãy mất, cho nên không ép được. Quan phủ nói: Tạm thời đem đi! Người quản lý thưa với quan phủ: Xin quan

lớn tha cho người hầu! Lập tức gọi người thả ra cùng đi đến cổng, ông chủ khiến chuyển lời nói với vợ con mình rằng: Nhờ vào mọi người làm điều phước thiện mà tránh được sự đau khổ to lớn, nhưng hãy còn chưa thoát được, lại có thể làm kinh tượng để cứu giúp cho nhau, hy vọng nhờ đó mà tránh được, từ nay không nên bày ra cúng tế, đã không ăn được mà thêm tội lỗi cho Ta. Nói xong mà Từ biệt, nô tỳ liền sống lại nói đầy đủ như vậy. Trong nhà quả nhiên lấy người ấy thiết lễ, ngay sau đó dốc hết gia sản làm việc phước thiện, cả nhà cùng luyện tập thực hành.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.

6: Thời đời Đường có Nhậm Nghĩa Phương ở Lạc An là Thứ sử vùng Quát Châu, chết giữa niên hiệu Vũ Đức đời Đường, qua mấy ngày mà sống lại, tự mình nói rằng: bị dẫn đến bái kiến Diêm La Vương, Vương sai người dẫn đi chỉ rõ nơi chốn của địa ngục, lời đã nói cùng với kinh Phật không khác nhau. Lại nói: Ngày đêm dưới địa ngục tối tăm giống như đi trong sương mù, lúc ấy nhà vua đưa tay đặt trên vùng ngực của nghĩa Phương thấy có chút hơi ấm, lập tức thỉnh cây chư Tăng đến hành đạo. Nghĩa Phương thế là từ dưới địa ngục nghe tiếng tán tụng ấy, Diêm Vương kiểm tra lại bản án nói với quan lại rằng: Chưa phải lúc chết, tại sao bắt giữ sai lầm như vậy, lập tức thả để người ta trở về! Nghĩa Phương ra khỏi ba lớp cửa, lính canh cửa đều ngủ say. Người đưa đường nói: Chỉ cần tìm theo tiếng tán tụng là sẽ đến nhà. Trông thấy một hố lớn ngay giữa đường đi, ý muốn nhảy qua, liền rơi vào trong hố sâu, lập tức vùng dậy đứng lên, kể lại cảnh dưới địa ngục vẽ trên mặt đất thành bức tranh, những bóng lộc có được đều tạo tác kinh tượng, từng viết hơn một ngàn bộ kinh Kim cang Bát nhã, Nghĩa Phương tự mình nói ra.

